

MÙA XUÂN ĐẾN

(*thơ Kim-Vũ*)

Xuân đã thật sự đến đây rồi em ạ.

Anh mở cửa sổ thật rộng. Không khí trong suốt, ánh nắng chan hòa ấm áp, những con chim sẻ hót vui tươi bên tường cao kín lá cây leo, gió vui đùa trên những bụi cây cành lá rung rinh, một con chim cu đều đều đập nhịp, và tiếng ồn ào phố xá xe cộ rộn rịp đàng xa, nghe rõ cả tiếng thợ thuyền gọi nhau nơi một công trường xây cất.

Trên nền trời xanh nhẹ, mây trắng bồng bênh, vài con hải âu bay lượn, một đàn én bay thành hàng, vài con bồ câu tha mồi về tổ.

Sau mùa đông u ám, cuộc sống bắt đầu như rộn lên trong häng hái, người vui với cảnh, nắng vui với mây, cửa nhà vui cùng ánh nắng.

Trên thảm cỏ xanh mơn mớn trong vườn trước phòng anh, những nụ hoa đã bắt đầu nhú, chỉ vài tuần nữa là hoa sẽ nở tươi, em có đoán được hoa màu gì không?

Đêm hôm qua trời còn giống gió, lớn như chưa bao giờ, cửa kính phòng anh rung lên vì khua động, làm sao anh có thể nghĩ mùa xuân đến cùng anh chóng thế. Trời đất lạ kỳ em nhỉ, đầy những đổi mới, những ngạc nhiên. Cho cuộc sống còn đầy khám phá. Cho hồn người mới lại mỗi ngày.

Anh thấy anh hồn nhiên như một đứa trẻ con. Ngồi trong nắng ấm, nhìn lên trời xanh, nghe chim hót, anh như nghe cả tiếng em cười dòn. Mùa xuân của anh, em của anh, lại đây cho anh nắm tay, lại đây cho anh hôn lên má. Hãy ca cho anh một bài hát của chim, hãy đem vào hồn anh nắng vàng mây trắng, hãy vui như cửa nhà, hãy đậm đà như bóng hải âu, hãy mãi mãi trong anh bóng hình tuyệt diệu, hãy mãi mãi cùng anh vui ngắm mây trời.

Mùa Xuân muôn thuở của anh ơi!

SPRING HAS COME

(*translation Kim-Vũ*)

Spring has truly arrived here, sweetheart.

I open wide my windows. The air is transparent, the sunlight warmly floods the room, the sparrows joyfully warble on a high wall covered with grapevines, the wind frolics on the swaying leaves in the hedge, a cuckoo keeps the rhythm, and the traffic noise reverberates from afar, where workers holler to one another at a construction site.

In the light blue sky, clouds are floating, some seagulls plane along, a group of swallows form a line, and some doves carry straws to their nests.

After a gloomy winter, life seems to stir up with excitement, people sharing the joy with the scenery, the sunlight sharing with the clouds, and the tenements sharing with the sunlight.

In the verdant grass by the garden below my room, buds begin to sprout, and before long, flowers will blossom, can you guess what their colors will be sweetheart?

Last night, there was a terrible storm, the glass windows of my room violently shook, how could I ever imagine that Spring can come to me so suddenly. How strange is Nature, full of surprises, full of unexpected turns. So life can burst forth with ever more explorations, and the soul can perpetually rejuvenate.

I feel myself so exalted, like a little child. Sitting in the warm sunlight, looking up to the blue sky, listening to the birds singing, I seem to hear your ringing laugh. My Spring season, my sweetheart, come here so I can hold your hand, so I can kiss you on the cheeks. Sing for me a song of birds, bring into my soul the golden sunlight and the white clouds, be as joyful as the tenements, as steadfast as the wings of the seagulls, stay always a wonderful image in me, and enjoy the clouds and the sky with me forever.

Oh my everlasting Spring spirit!



YÊU EM NÔNG NÀN
Ảnh Nguyễn Huy Linh

Tiếng “Em” Trong Đời

TRƯỜNG THY

*Chỉ một tiếng ‘em’ trong đời
thời gian-vũ trụ-con người gần nhau.*

Trong ngôn ngữ Việt Nam, những danh xưng và tiếng gọi giữa người này với người kia thật vô cùng phức tạp nhưng lại rất ý nhị, tinh tế. Người ngoại quốc khi học tiếng Việt, ngoài sự khó khăn về dấu nhấn, thì đây, cách xưng hô cũng là một trở ngại lớn. Trong các danh xưng thường ngày, tiếng “em” nghe rất quen thuộc và tự nhiên, tự nhiên đến độ ít khi ta để ý đến những ‘nguyên tử’ cấu tạo nên nó, những tinh hoa mà nó phát tiết ra ngoài.

Không biết đã có ai để tâm tìm hiểu xem tiếng “em” có từ bao giờ, chỉ thấy rằng như đã từ lâu, song chỉ sử dụng trong thống thuộc gia đình, giữa người sinh sau với người sinh trước – anh/em, chị/em. Sau đó tiếng “em” vượt phạm vi gia đình để đi vào xã hội trong môi trường giao tiếp. Ngày xưa, học trò thường xưng ‘con’ với thầy, cô, nhưng ngày nay, từ ‘em’ gần gũi và trẻ trung hơn đã thay thế cho tiếng ‘con’ nhỏ bé và cổ kính. Cũng từ đó theo dòng sinh mệnh và nguồn cảm hứng, tiếng ‘em’ đã nhập vào thế giới văn thơ lúc nào cũng chẳng hay. Dầu vậy trong lãnh vực này, điếm qua một số những áng văn, thơ cổ, hầu như chỉ thấy xuất hiện những chữ “chàng”, “nàng”, và “thiếp”, ví như:

* Trong truyện Phan Trần, Phan sinh và Trần Kiều Liên gặp nhau lần đầu:

- *bồng mây may khéo là may (287)*

- *nhác trông ra mái lầu tây thấy nàng (288)*
rồi khi hai người nhận nhau cũng vẫn:

- *Đàm Chu quê thiếp còn xa (711)*

- *họ Trần tên đặt vốn là Kiều Liên (712)*

* Trong Quan Âm Thị Kính, ta cũng thấy:

- *canh khuya bạn với sách đèn (125)*

- *mỏi lưng chàng mới tựa bên cạnh nàng (126)*

* Trong Bích Câu Kỳ Ngộ, Giáng Kiều thân thưa với Tú Uyên vẫn chỉ là:

- *vốn xưa thiếp khách Thanh Tiêu (349)*

- *Tiên Thù là hiệu, Giáng Kiều là tên (350)*

* Rồi đến Chinh Phụ Ngâm của dịch giả Đoàn Thị Điểm, trong cặp Lục/Bát 111-112, cũng với danh xưng của ngày xưa ấy:

- *nỗi lòng biết ngỏ cùng ai*

- *thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây!*

* Đến thi hào Nguyễn Du, trong suốt 3254 câu của tập trường thi Kim Vân Kiều, hầu như chỉ thấy tiếng “em” được dùng trong liên hệ gia đình, khi Thúy Kiều ngỏ lời nhờ em là Thùy Vân thay mình kết nghĩa với Kim Trọng:

- *cậy em, em có chịu lời*

- *ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa*

* Cũng như trong Lục Vân Tiên, cụ Nguyễn Đình Chiểu cũng chỉ dùng tiếng “em” qua vai trò của Vương Tử Trực khi từ chối sự gán duyên của Kiều gia:

- *Trực rằng cùng bạn bút nghiên (1273)*

- *anh em trước đã kết duyên cùng nhau*

- *vợ Tiên là Trực chị dâu*

- *chị dâu em bạn dạm đâu lỗi nghi (1276)*

còn giữa đôi trai tài gái sắc, Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga, sau khi dẹp yên bọn cướp, Nguyệt Nga định xuống xe bái tạ thì chàng hiệp sỹ họ Lục đã vội vàng lên tiếng giữ lễ:

- *khoan khoan ngồi đó chớ ra*

- *nàng là phận gái ta là phận trai.*

Thế rồi có lẽ sau này khi chữ quốc ngữ La Tinh phát triển và ảnh hưởng của thơ văn lãng mạn, đặc biệt là của Pháp nên tiếng « em » có cơ hội chiếm ngự trong tâm hồn người viết cũng như trên những trang thơ văn và trong ngôn từ giao tiếp hàng ngày, nhất là nơi giới trẻ. Ngoài những xưng hô theo thống thuộc là lẽ tất nhiên, tiếng « em » càng về sau càng được tận dụng như để trao gửi tâm tình một cách khăng khít hơn.

* Từ Nguyễn Khuyến trong bài Mẹ Mốc ta nghe có gì hơi khác thường :

- *đắp tai ngoảnh mặt làm ngơ*
- *rằng khôn cũng kệ rằng khờ cũng thấy*
- *khôn em dễ bán đại này!*

* nhưng với Đông Hồ trong “Nhớ Rằm Tháng Hai”, lại thật là tình tứ đôi ta, ‘tâm đầu ý hợp’

- *em mới hỏi “trăng sao sáng tỏ”*
- *anh đáp rằng “trăng có đôi ta.”*

Nói chung tiếng “em” thật đã cho đời nhiều ý đẹp và tình thương trong cuộc sống. Có người nói đó là một kỳ quan trong thế giới ngôn ngữ và là mỹ từ nơi cung đình văn học Việt Nam kể cũng không ngoa.

* Trước hết trong phạm vi gia tộc, tiếng “em” mang thông điệp ‘*kính trên nhường dưới*’, giữ được mỗi giây liên hệ ngọt ngào, đầm ấm, dễ thương.

* Trong quan hệ xã hội, giữ được hòa khí với sự khiêm tốn và thân tình. Giữa một người với một người lớn tuổi hơn đôi chút, một khi đã bỏ hai tiếng *anh/em* mà thay vào đó bằng *ông/tôi* là nghe đã có sự căng thẳng, bất hòa rồi.

* Trong mối tương giao giữa vợ chồng hay giữa những người yêu, tiếng “em” mà người con gái hoặc phụ nữ nói chung tự xưng thật có ma lực tuyệt vời trong môi trường tình cảm cũng như hạnh phúc gia

đình nói riêng. Tiếng “em” chứa đựng tràn đầy yêu thương và gắn bó trong trái tim tình tự. Ở đây chỉ xin đề cập đến cách xưng hô thông thường mang tính trẻ trung của ái tình, vì tình yêu tự nó không có tuổi, tuổi của nó chính là tình yêu. Ngoài ra còn tùy theo từng địa phương có những lối xưng hô khác theo từng giai đoạn và tuổi tác, như *ông với tôi* hoặc *bà với tôi*, có khi là *bố với mẹ* (gọi thay cho con).

* Tâm lý thông thường cho ta thấy hai người trai, gái, mới gặp nhau mà xưng hô *anh với em* thì dường như khoảng cách xa lạ đã thu ngắn lại có đến 50% rồi, chẳng thế trong kho tàng văn chương truyền khẩu ta đã từng nghe:

- *Hỡi anh đi đường cái quan*
- *dừng chân đứng lại em than đôi lời*
- *đi đâu vội máy anh ơi...*

Nghe rồi người trai làm sao không theo lệnh truyền của con tim mà dừng bước hỏi nhỏ:

- *tiện đây mạn mới hỏi đào*
- *vườn hồng đã có ai vào hay chưa?*

để rồi nghe trên nương chiều thoảng trong hương đồng gió nội những lời như thiết tha mời gọi:

- *mạn hỏi thì đào xin thưa*
- *vườn hồng sẵn lối nhưng chưa ai vào!*

“chưa ai vào” - vậy thì “vào đi ai!”. Phải chăng đường tình là thế, cũng từ chữ “em” kia dẫn đường đưa lối.

Tiếng “em” ngoài danh xưng trong gia đình, họ hàng v.v., thường gắn bó với tuổi trẻ, tuổi học trò, tuổi yêu đương, tuổi biết buồn, tuổi yoghurt v.v., xin nghe Dư Thị Diễm Buồn kể lại những “ngày xưa ấy”:

- *từ dạo đó dễ buồn và dễ khóc*
- *dễ dỗi hờn và cũng lắm âu lo*
- *hay dối mẹ - Em bắt đầu trốn học*
- *có bé thơ ngây đã biết hẹn hò.*

(*Nụ cười trong mắt anh “Những ngày xưa thân ái”*)

Trong Văn Chương Bình Dân không biết tiếng “em” du nhập vào hồi nào, chỉ thấy bàng bạc trong những áng thi, ca tình tự những tiếng “em” dịu dàng tình tứ, xao xuyên, bồi hồi, có khi cũng ngậm ngùi, trăn trở:

- em thời canh củi trong nhà
 - nuôi anh đi học đặng khoa bảng vàng hoặc đôi khi than thở phận mình:
 - em như cây quế trong rừng
 - thơm cay ai biết, ngát lòng ai hay!
- cũng có lúc rất ư tình tứ, lãng mạn thơ duyên:
- em về anh mượn khăn tay
 - gói câu tình nghĩa lâu ngày sợ quên.
- xxx
- em về để áo lại đây
 - để khuya anh đắp gió tây lạnh lòng.

Thi ca hiện đại trong mối tương giao giữa những người yêu, tiếng “em” có khi là người tình phái nữ, có khi lại rất mung lung, mơ mơ hồ hồ, nói đầy nhưng như là không nói, nói một cách tượng trưng, gián tiếp để tạo nên ý niệm vừa riêng tư vừa là cái chung:

- em xưa giọt nắng trên hoa
- bâng khuâng hơi ấm màu da Lạc Hồng và:
 - em xưa chùng tóc buông lơ
 - tình ta vương vịu làn hơi trốn-tìm hoặc:
 - em xưa vành nón che nghiêng
 - lệch tia nắng cuối hồi chiêm ban chiều ròi:
 - em xưa yêu chẳng bằng lời
 - bằng đôi mi khép gọi mời đam mê.

“Em” còn là gì nữa, còn là tất cả những gì êm ái, nên thơ – trăng, mây, sương, gió, suối, đồi, hoa, lá v.v., đối với nhà thơ nhiều thứ có thể trở nên người tình để gọi bằng “em”.

Với Nguyễn Thị Thanh Dương thì “em” còn là hương vị ‘ô mai cam thảo’:

- những nhánh gừng cay vẫn còn chưa đủ,
- muối mặn vào cho đẹp ý nghe anh,
- quần quít vì nhau tình mãi trăm năm,

- em mặn mà cho đời thôi tẻ nhạt
- em là thế, đủ chua cay mặn ngọt.
với Nghiêu Minh ta nghe lại thấy bóng dáng “em” trong tiếng Lục Huyền Cầm hay còn là chính cây đàn ấy bởi:

- em cho tôi nốt hài hòa
- cái tâm giai điệu tay xoa phím hồng
- vòng luân vũ, bước tình nồng
- em là điệp khúc chín tầng hương sen
- có trăng réo rất bên đèn
- có em như rót hồn đêm dặt diu

Cổ thi sỹ Nguyễn Sa đã hình tượng hóa quãng đời lao lung giữa cõi trần để trở lại với chính mình qua tiếng “em”

- có phải em về đêm nay
- trên con đường chạy dài hoa cỏ
- cho lòng anh trở lại với lòng anh

và Chúc Anh khi nói “Tìm Em”, nhưng em là ai đây mà khi:

- anh lẩn trốn tình yêu từ tiền kiếp
- nhưng sao lòng vẫn nhung nhớ hoài thương
- nói đi em nơi đâu chốn thiên đường
- cho anh biết chân trời nào lý tưởng
- xuân sắp về anh một mình trầm lặng
- bước âm thầm trên lối cũ tìm em
- những hàng cây, dòng suối, ánh trăng đêm - trong vũ trụ vắng em đời vô nghĩa!

Người thơ tìm em hay tìm tình yêu, hay tìm điều gì đó, có thể chỉ là một. Với Xuân Diệu, lãng mạn đến độ thơ cũng là em:

- thơ ta hơ hớ chưa chồng
- ta yêu muốn cưới mà không thì giờ
- mùa thi sắp tới- em thơ
- cái hôn âu yếm xin chờ năm sau!

Bùi Giáng, người được mệnh danh là Cuồng Sỹ lại đưa em vào ngôi “Phiếm chỉ đại danh từ”, dường như thay cho tiếng “ai”, mơ hồ mà phổ cập:

- Em về máy thế kỷ sau
- nhìn trăng có thấy nguyên mẫu ấy không? hoặc như:

- *Em về giữ áo phù sa*
 - *trút quần phong nhụy cho tà huy bay.*
 Có khi còn là người tình trong tiếng “em” của một thi nhân:

- *cho tôi một hạt muối tiêu*
- *bờ môi em nhạt nắng chiều lân la*
- *tôi đi chân chinh sơn hà*
- *hồng rơi vách đá, mù sa thị thành.*

“*Em*” đây hẳn phải là Quê Hương, mảnh đất vun trồng bao kỷ niệm buồn vui từ những ngày ấu thơ vậy.

Thiết nghĩ như đã nói trên, tiếng “em” trong ngôn ngữ Việt Nam thật độc đáo, mang tính nhẹ nhàng, duyên dáng, đơn sơ mà đầy tình tự. Từ đó đã mặc nhiên mang dấu ấn văn hóa đậm đà.

Nếu nói thêm ra, trong một số các ngôn ngữ khác như tiếng Pháp (*chérie, mon amour...*), tiếng Anh (*dear, darling, honey...*), tiếng Hán (*muội, tiểu muội..*), không ngôn ngữ nào có cái đẹp và ý nhị như từ “em” của tiếng Việt; hơn nữa lại chỉ dùng ở ngôi thứ hai chứ không dùng để tự xưng (từ tiếng “muội” của chữ Hán), nhất là không thể nhân cách hóa được.

“em” còn là:

- *người em của tuổi*
- *nơi đây và đâu đó*
- *em như sợi mưa*
- *như gợn sóng đùa*
- *trong bóng xưa hồn lẽ*

để rồi:

- *sau cơn buồn thế kỷ*
- *em là ta – là nỗi nhớ*
- *là những gì không có*
- *cho vòng tay*
- *cho vũng đầy ngăn cách*

‘em’ có khi mang mang ý mùa cho ta cảm nhận những đổi thay trong đời :

- *em là mùa xuân*
- *soi bóng nhận về*
- *em là mùa hạ*

- *cho ta giấc ngủ khê*
- *em là mùa thu*
- *lá vương hồn nắng*
- *những sáng mù sương*
- *gió bay vàng hưng vong*
- *em là mùa đông*
- *tuyết bay vào lạnh*
- *cho không gian rét đến vô cùng*

Sau cùng nêu tản mạn một chút để chiết tự sang một ngôn ngữ khác, tiếng Anh chẳng hạn, từ “em” có thể cho ta những ý khá thú vị sau đây:

E → Every, M → Meaning -- Em = mọi ý nghĩa hoặc:

E → Emotional, M → Motion, or Motive (an emotion desire)

Tiếng “em” là âm của mẫu tự M (âm đầu đời của em bé khi tập nói), từ đó mẫu tự M là đầu của nhiều từ ngữ ý nhị như:

- má, mẹ, mình (tiếng vợ chồng thường xưng hô với nhau), môi, mắt v.v.*
- maman, mère, mademoiselle,...*
- mother, miss, ...*
- mEEK, menu, marriage, ...*

chữ EM viết ngược lại còn là ME (Việt hóa của từ *mère* tiếng Pháp)

Do đó có những người như Trang Y Hạ đã từ “*Dáng Em*” trong những ngày quân ngũ:

- *đường quân ngắm bóng dáng em*
- *giai nhân gót nhẹ êm đêm trướng hoa*
- *chiều buông xuống đôi trông về quê ngoại*
- *mắt Mẹ mờ dòng lệ mãi rưng rưng*
- *trước bạo lực vẫn niềm tin đứng thẳng*
- *dáng mẹ hiện lòng lộng giữa không trung*

Phải chăng ngôn ngữ Việt có hồn tính nên từ tiếng “EM” êm ái, dịu dàng, dễ thương, chuyển ngược sang tiếng “ME” cũng ngọt ngào, đậm ấm và hiền hậu, đáng mến vô cùng.

Trương Thy
 (Oklahoma)

TÌNH NGƯỜI

Điểm Châu (Cát Đơn Sa)

Trình biết ông Ninh qua lần đi tham dự một buổi đại hội thường niên của dòng Đồng Công ở một tu viện nằm khá xa New York, tiểu bang Missouri này nhìn trên bản đồ nước Mỹ thì nó ở ngay gần chính giữa trung tâm.

Đó là một ngày hè nóng như thiêu, khí hậu oi bức và không có mưa nhưng cũng có chút gió, nhiệt độ ở mức xấp xỉ trên 90 độ. Trình gặp ông vào trưa thứ năm, khi ông đang đứng sắp hàng mua thức ăn mang về lều cho các con.

Khi chờ đợi tới phiên, Trình và ông đã trao đổi vài ba câu chuyện. Cũng bởi giọng nói của ông nghe có âm hưởng giống vùng đất miền Trung, nơi ba má Trình ở.

Khi tới phiên mình, Trình phải giúp ông cho nhanh. Vì ông hiểu tiếng Mỹ chậm chạp mà cô bé lấy "order" cũng không rành tiếng Việt. Nhất là giọng Huế của ông rất khó đoán trong lúc cái "line" những người đợi phía sau đang nôn nóng chờ tới phiên. Chính người lớn khi nghe ông nói lí nhí cũng chẳng hiểu ông muốn gì, huông chi là cô gái trẻ tuổi này!

Trình hỏi ông và giải thích lại với cô bé, cùng người Việt mà lại thông dịch tiếng Việt cho nhau! Trình quen với ông như thế, nhất là khi phân ăn mang ra, ông ôm không hết, nên thức ăn trên tay cứ chực rớt xuống. Trình lại phải tiếp tay khuân về lều cho ông.

Vừa đi, ông vừa nhe răng ra cười, vẫn phát âm khó nghe:

- Cám ơn cô hi, chỗ tui hơi xa.

Trình lắc đầu trả lời:

- Không có chi, đi bộ một chút cho giãn gân cốt.

Đi vòng ra phía sân sau, lều của gia đình ông ở tuốt luốt ngoài cùng, tại đây xa nhưng bù lại có cây cối, trú dưới mấy thân cây to lớn, cũng đỡ bị ánh nắng chiếu vào người gây nóng rát.

Thấy ông về, mấy đứa con còn nhỏ chạy ủa ra:

- Ba về ... sao ba đi lâu rứa ba?

Ông xoa đầu đứa con gái, giải thích:

- Người ta đông quá, mình phải sắp hàng chứ sao!

- Con đói...

- Có đồ ăn rồi, chúng con chào cô, rồi vô ăn.

Lũ nhóc lao nhao chào. Mấy gói đồ ăn được bỏ lên tấm bạt màu xanh trải dưới đất. Xem nào, Trình đêm được cả thấy có tới năm đứa nhỏ vây quanh, đứa lớn nhất là con gái, khoảng 12 tuổi.

- Ông có mấy cháu?

- Tui có sáu đứa.

- Thiếu một đứa ở đây? Chắc là đi đâu với bà xã của ông phải không?

Ông lắc đầu:

- Dạ không, hai mẹ con hẳn ở nhà. Nó là đứa nhỏ nhất, mới có sáu tháng.

Trình ngạc nhiên:

- Ủa, sao bà ấy không cùng đi với ông?

Khuôn mặt ông Ninh tối lại, ông ưu tư:

- Đi không nổi cô ơi, mạ hẳn bệnh nặng.

Trình tò mò:

- Bệnh gì?

Ông Ninh ấp úng... giọng ông có vẻ lạc đi:

- Ung thư!

Trình kêu lên:

- Trời đất!

Thốt nên hai câu đó xong, Trình nhìn mấy đứa trẻ, tội nghiệp chúng nó quá! Còn nhỏ mà đã không có người chăm sóc.

Con chị lớn tên là Mây không khôn lanh gì cho lắm, thua con em kế 9 tuổi, có cái tên

nghe lạ tai là "Thạch Động". Nhưng con bé Mây tuy lù dù, lại có vẻ thương em út vô cùng. Khi ăn cơm, nó biết lấy mấy cái chén ny lông chia đồ ăn đồng đều cho các em, biết xé thịt ra từng miếng nhỏ, đút cơm rót nước cho hai thằng cu bé nhất.

Ông Ninh cũng ngồi xuống tám bạt, mời:

- Cô cùng ăn cho vui.

Trình nghe mùi thơm của thịt nướng bay lên, tuy hơi đói bụng nhưng lác đầu vì nằng sẽ về ăn với chồng con:

- Cám ơn ông, cha con nó đang đợi tôi ở đằng kia... à, cô có cái này cho thằng Út.

Thằng Út khoảng 3 tuổi, nó khá xinh xắn, nét mặt tròn ngô nghĩnh nhưng hơi dơ một chút, đang ngồi ở một góc tròn xoe mắt nhìn chăm bẵm vào Trình này giờ.

Trong túi Trình đang có một con khi đánh xềng, vụn giấy thiêu lên thì nó đập hai cái nắp vào nhau khá thú vị! Món đồ chơi này là của con gái Trình, Tí Ti lớn hơn thằng Cu Em một chút. Trình lôi con khi ra, đưa cho thằng bé. Nó chưa kịp giờ tay lấy, thì bị thằng anh xông vào cướp mất.

Thằng anh "ăn cướp" được con khi, lật đật chạy ra một góc vụn giấy thiêu lên chơi ngay. Cu Út nhìn theo mếu máo, nhưng không làm dữ như trẻ con thường phản ứng. Nó đứng tại chỗ chớp mắt nhìn Trình như cầu cứu.

Bố nó nạt:

- Cu Anh, trả lui cho Cu Em, không thôi chị Thạch quát cho mấy roi chừ!

Bàn tay con bé Thạch Động đưa lên hăm dọa, nhưng thằng Cu Anh tỉnh bơ không cần biết, vẫn cầm cúi chơi. Bỗng Cu Em đứng lên, đi lại gần rồi bất ngờ ôm lấy chân Trình, kêu lên:

- Mẹ, mẹ... xương (thương)

Ngạc nhiên và bối rối, Trình ngồi xuống, ôm lấy thằng bé:

- Ô, con làm cô với mẹ hả?

Thằng bé vẫn ôm lấy Trình. Đầu óc Trình hoang mang nhiều câu hỏi. Hay là nó

thấy Trình có đồ chơi? Hay là nó muốn có quà nên mới ôm như thế này? Nhưng chắc là trí tưởng tượng của Trình đã đi quá xa... vì nó còn bé tí, thì biết gì mà mưu mô chứ!

Ông Ninh sợ Trình bị thằng bé bám vào dơ quần áo, bèn kéo thằng cu con ra:

- Xấu tè. Có phải mả mi đầu mà ôm, thằng ni tầm bậy quá, coi chừng lại làm nhớp hết quần áo của cô.

Trình vội ôm lấy Cu Em:

- Ô, không sao... thôi, để cô kiểm cho con đồ chơi khác nhé.

Nói xong, Trình chợt nghĩ: "hay mượn ông Ninh thằng bé này trong chốc lát, đem về lều mình cho nó lựa đồ chơi." Nghĩ là làm, Trình ướm lời:

- Ông có thể cho cháu về lều của tôi chơi với con gái tôi được không?

Khuôn mặt ông Ninh thoáng ngần ngại:

- Sợ hấn làm phiền cô?

- Không sao, để tôi giữ cháu bé cho ông nguyên ngày, ông có thì giờ đi đây đi đó. Tôi nay tôi sẽ đưa cháu về.

Thế là con chị Thạch Động lôi túi quần áo, tính tìm đưa thêm một bộ đồ cho Cu Em thay, nhưng khi nhìn thấy đồ thằng bé nhăn nhúm, lại có vẻ không được sạch sẽ cho lắm. Trình vội cản:

- Được rồi, nhà cô có quần áo cho Cu Em mặc, không sao đâu.

Nói vậy, bởi con gái Trình nó giống như một thằng con trai, tối ngày ưa mặc đồ cũng như mấy thằng "tomboys", bận áo đầm nó không chịu mà ông xã và Trình là cha mẹ nó cũng ưng có một đứa con trai, nên mới nhìn, ai cũng tưởng Tí Ti là bé trai.

Ông Ninh bảo Thạch Động:

- Con đi theo cho biết lều của cô hi, với lại coi thằng Cu Em hấn có chịu không, hễ hấn khóc thì dắt em về.

- Vâng, tôi cũng tính như thế.

CẢM NGHĨ XUÂN QUÝ TỶ (2013)

Chín chục tuổi rồi, chưa nghỉ ngơi.
Vẫn ham gom ý tặng cho đời
Bút nghiên chưa xếp còn mong muốn
Nhà hết tơ lòng mới thành thơ.

Buồn trông thiên hạ thích thờ tiền,
Yêu bạc, yêu vàng hơn Chúa Thiên.
Trí óc luôn luôn thường tưởng nghĩ
Nhiều tiền, nhiều của, sông thân tiên.

Buồn trông lãnh tụ ở nhiều nơi
Nghĩ lợi cho mình cho đảng thôi
Hành xử những điều dù thất đức
Cốt sao thu lượm được nhiều lời.

Á thì đảng trị rất hung tàn
Áp dụng luật rừng thật dã man
Vô đạo, vô thần, chuyên bóc lột
Trở thành tỹ phú, mặc dân than

Âu thì tài phiệt chỉ cầu mong
Bán thật cho nhiều súng đạn bom
Nuôi dưỡng chiến tranh hoài tiếp diễn
Gây bao cảnh tượng đờn đau lòng

Tình trạng bất lương mãi xảy ra,
Nhân dân chung sống mất hài hòa
Tình thương, công lý không màng tới,
Chúa phải chọn đường Ma-Ná-Tha (1)

(1) *Ma-Ná-Tha: lược âm của chữ Maranatha, danh từ của người Do Thái dùng để nói đến ngày Chúa trở lại trần gian, chấm dứt thời đại tội lỗi của loài người, lập lại một thời đại mới mà mọi người sẽ vui sống trong tình yêu thương. Sự kiện này đã được Thánh Sử Jean viết trong quyển sách nhan đề "Apocalypse".*

Phương Du Nguyễn Bá Hậu
(Paris)

Trên đường đi, thằng Cu Em không chịu cho chị công, mà nó tụt xuống đất, nắm lấy tay Trinh bước đi rất mạnh dạn, chứ không phải nắm tay chị nó.

Con bé Thạch Động cười toét miệng:

- Thằng này nó thích cô rồi, trước đây ít khi nó cho ai đụng tới.

Trinh thích thú:

- Thật sao! Vậy là dám cô sẽ sinh thêm con trai đó.

- Dạ.

Ngang qua gian hàng thịt nướng, cả bọn lại hít hà thích thú. Cho dù con bé Thạch Động cũng đã ăn một ít lúc này, Trinh vẫn kéo hai đứa

vào trong gian hàng, mua thêm hai phần ăn, ít bánh trái, rồi mới về lều.

Con gái Trinh thấy Cu Em đến, lập tức đem hết đồ chơi ra khoe, rồi hai đứa xáp vào với nhau quên cả cha mẹ và tất cả. Vợ chồng Trinh và Thạch Động vừa ăn vừa nhìn hai đứa nhỏ. Chúng chơi với nhau như hai anh em, Tí Tí ăn mặc giống con trai, khuôn mặt nó hào hứng thấy rõ.

Trinh bắt hai đứa phải ăn cho hết phần mình mới được chơi tiếp, không nghe lời thì cu Em phải đi về. Lời dọa vô cùng hiệu nghiệm. Hai cái miệng nhỏ chóp chép vừa ăn vừa bi bô với nhau rất dễ thương.

Nhìn hai đứa bé trước mặt, Trinh thầm nghĩ phải chi có vài đứa như thằng Cu Em là con trai mình thì hay biết mấy! Như vậy thì Trinh khỏi phải chờ đợi để sanh thêm một thằng cu, mà hai vợ chồng đều cố gắng hết sức, nhưng chưa hề thấy động tĩnh!

Ngồi một lát, con chị Thạch Động từ giã ra về. Nó gọi thằng Em:

- Nè, chị về nghe. Cu ở đây chơi với Tí Tí nghe.

Thằng bé nghe chị nói, vắn cằm cúi đẩy chiếc xe tăng, miệng nói "bye" một cách thân nhiên, làm cho cả nhà buồn cười.

Cho chúng chơi với nhau một lát rồi Trinh lấy hai bộ đồ, sửa soạn đưa hai đứa đi tắm. Cu Em là con trai, nên dù thua Tí Tí gần một tuổi, mà nó cũng cao bằng, nên mặc đồ chung cũng được vì Trinh đã lựa quần sọc cho chúng nó.

Tim cũng hào hứng tham gia việc lo lắng cho Cu Em cùng với vợ, anh chàng có vẻ khoái thằng Cu Em thật sự, nhìn nó hay lắm cơ, nhỏ tuổi hơn Tí Tí, mà lúc nào cũng làm như là anh lớn không bằng! Tim cười:

- Anh đi với em, có gì phe con trai cần thì đã có anh.

Thật vậy, Trinh đã quên mất điều này, dù Cu Em còn nhỏ, nhưng nó là con trai. Thời buổi này có người săn sóc con nít giúp mình một tay, thì cũng đỡ hơn là phải đánh vật với hai đứa con nít một lúc!

Mà Trinh cũng muốn cho ông chồng mình có tinh thần trách nhiệm, để sau này nếu sanh thêm một đứa con, thì ông sẽ biết kinh nghiệm mà giúp.

Một lúc sau, họ gặp lại nhau. Tim và Cu Em tóc tai thẳng thớm, áo quần sạch sẽ, mặt mày sáng sủa, nhất là Tim lại bày vẽ, chải tóc ngược lên cao cho thằng Cu Em, với một chút keo xịt, nhìn nó giống như một ông chủ con người Ý! Rất là "cute".

Nhìn đồng hồ cũng đến giờ cơm tối, họ lại đưa nhau đi tìm hàng quán nào có bán những món khoái khẩu để ăn.

Phải nói rằng đây là một buổi Đại hội họp mặt hàng năm ở miền Trung Tây nước Mỹ của dòng Đông Công, tổ chức khá qui mô từ mấy chục năm nay. Vì có hàng quán, chương trình văn nghệ và những buổi thuyết giảng đầy lý thú cho giới trẻ lẫn giới cao niên nên lúc nào cũng thu hút đông đảo khách thập phương người Việt. Cũng có một số ít khách ngoại quốc tham dự, có khi lên đến con số 80 ngàn người.

Vợ chồng Trinh là một trong số đó, dù sinh sống tận New York, nhưng năm nào nghe tin tức về Đại Hội qua ông bác ruột đang sống gần đó, cũng hội ý nhau đi hay không. Đây là lần đầu tiên gia đình Trinh đến. Vì con gái đã lớn, công việc thì cũng đầu vào đó và biết đầu cơ hội này có thể gặp lại tụi bạn cũ, hay bà con nên phải đi cho biết.

Khi tới nơi vào sáng ngày thứ năm, cả ba đều thích thú nhìn thấy khu lều trại, thiên hạ qua lại tấp nập, hàng quán vang lên những lời chào mời như ngày hội, nhất là những mùi thức ăn thoang thoang trong không khí. Có đủ thứ khó kiếm như cháo lòng, dồi heo, bê thui, giã cây. Nghe nói ngày thứ sáu càng đông vì người ta đến nhiều hơn.

Gia đình ông bác đã có kinh nghiệm về những buổi đại hội này, nên bác đã cấm sẵn giùm cho Trinh và Tim một cái lều kế bên gia đình bác, dưới một gốc cây lớn, cành lá xum xuê. Vì thế chỗ ở rộng rãi, thoải mái.

Trinh mang theo tấm nệm lớn, và Tim mượn đồ bơm hơi của bác để thổi phồng tấm nệm lên, thế là cứ đi chơi về mệt là nằm lăn lên đó, và chiếc quạt máy nhỏ bác cho mượn quá quý trong thời tiết nóng nực ở đây.

Thằng Cu Em quần quýt bên Tí Tí không rời. Hai đứa say mê bày trò chơi với nhau, chúng ăn uống, nói chuyện gì mà người lớn nghe riu rít như chim, không hiểu được nhưng

đại để là chúng rất biết nghe lời bố mẹ để ăn cho xong, rồi mới được chơi.

Đến tối, khoảng chín giờ Trinh nhắc thằng Cu Em chuẩn bị đi về, thì nó không chịu, lật đật leo lên nệm, chun vào tấm ra nằm cạnh Tí Tí để ngủ. Trinh biết là nó không muốn về.

Nghĩ ngợi một chút, Trinh chờ hai đứa nhỏ ngủ xong, mới nhờ bác để ý canh chừng giùm một chút, để hai vợ chồng tản bộ đến lều của ông Ninh, báo cho ông biết là Cu Em sẽ ở chơi thêm ngày mai vì nó không chịu về.

- Nếu ban đêm cháu có phá quá, cô cậu cứ kêu, tui sẽ đưa hấn về.

Nhưng đêm đó Cu Em ngủ yên cho tới sáng. Nhờ có tấm nệm King size, thì cũng không chật chội hay hề hấn gì.

Sáng hôm sau, khi không gian còn im lắng, thì Cu Em đã thức dậy, nó loay hoay một chút rồi ngồi lên nhìn. Trinh cũng đã thức khi nó mới ngồi lên, và nằm im xem nó sẽ làm gì.

Trinh thấy nó quay nhìn mọi người trong lều, sau đó nhẹ nhàng bỏ lại gần Trinh, rồi nằm xuống ngay sát bên nàng, khiến Trinh vô cùng cảm động. Thật là tội nghiệp cho thằng bé. Mẹ nó bình, lại còn có đứa em nhỏ hơn. Thằng này vì vậy thiếu sự ôm ấp của người mẹ.

Ngày hôm qua, Trinh đã dành cho nó nhiều âu yếm của tình mẫu tử, con bé Tí Tí thì đã có bố thương yêu bên cạnh, nên Trinh dành vòng tay mình cho Cu Em. Thằng nhỏ thích lắm, cứ thỉnh thoảng lại ngừng chơi, chạy đến hôn Trinh một cái.

Cứ thế mà Cu Em nó ở lại với Trinh trong những ngày cắm trại. Ông Ninh cũng thường hay gặp gia đình Trinh ở nơi một quán ăn nào đó, do nàng mời và lựa chọn.

- Ông mang các cháu cùng ra đây nhé.

Dù Trinh đã nói như vậy vì nàng nhìn thấy cả thùng mì gói hay nồi cơm nấu trên bếp gas... ăn với mớ thịt hộp mua ở chợ Mỹ, mà ông đưa theo cho đỡ tốn tiền nhà hàng...

nhưng ông Ninh rất tế nhị, ông không muốn đàn con đông đúc của ông làm rộn túi tiền của Trinh, dù vợ chồng nàng nói thế nào ông cũng không nghe.

- Thì hôm mới đến đây gặp cô, tui cũng cho mấy đứa hấn ăn hàng một bữa rồi. Minh ăn ở nhà, lành mà đỡ tốn hơn, cô ơi!

Có Trinh giữ hộ cho một con đứa nhỏ, chính ông Ninh cũng cảm thấy thoải mái, có giờ nhiều hơn để đi cầu nguyện cho vợ. Ông chi hơn chồng Trinh vài tuổi, nhưng nhìn ông già hạp, cũng chỉ vì gia cảnh của ông có phần khổ sở.

Ngoài việc đi làm, ông phải xin thêm tiền trợ cấp ở sở xã hội. Gặp phải bà nhân viên cùng màu da hách không chịu nổi, dọa nạt ông đủ điều, hạch sách và trì trệ đủ chuyện, nhiều khi ông nản mà muốn dọn nhà đi chỗ khác. Nghe nói Cali là nơi cho nhiều trợ cấp, nhất là những gia đình đông con như ông nhưng ngặt là ông không có tiền để đi chuyên, mặt khác, vợ ông đang bị căn bệnh dữ hoành hành.

Thôi thì cứ tới đâu thì tới. Trinh nghe ông kể chuyện mà ái ngại giùm cho ông. Nhưng biết phải làm gì bây giờ?

Ngày chia tay, Trinh bắt đầu thấy quyền duyên thằng Cu Em. Bao nhiêu quần áo của Tí Tí, Trinh bỏ vào một bao ny lông cho Cu Em hết. Cả cái máy chơi game nhỏ, chính tay Tí Tí cũng đưa cho mẹ, con bé cũng thích thằng Cu Em như mẹ nó vậy.

Chuyến đi lần đó cho gia đình Trinh có nhiều kỷ niệm. Những tấm hình chụp chung với gia đình thằng Cu Em, nhất là hình một mình nó, hay chụp chung với Tí Tí để thương vô cùng.

Nhiều khi nhớ thằng bé, nghe Tí Tí nhắc, Trinh bóc phôn gọi cho ông, để Tí Tí nói chuyện với Cu Em, nhưng lạ một cái là số điện thoại nhà ông Ninh, Trinh không bao giờ liên lạc được. Lần sau cùng thì phôn đã bị cắt!

Rồi công việc làm ăn, thời gian cứ lừng lững trôi qua. Cả hai mẹ con cùng nhớ Cu Em, nhưng vẫn phải làm công việc hàng ngày. Vài lần, Trinh còn thử gọi cho vài người quen ở thành phố cha con ông Ninh ở, hỏi thăm họ về gia đình ông Ninh, có bà vợ bệnh ung thư, có những đứa con ngộ nghĩnh... nhưng không ai biết!

Vậy mà đã hai năm trôi qua. Lần này, Tim cùng Trinh trở lại nơi đây, hy vọng gặp lại gia đình ông Ninh. Dù không phải là một tin đồ thuần thành ngoan đạo, nhưng với thế giới đời sống quá xô bồ như ngày nay, những thiên tai, chiến tranh, lòng hận thù của con người đối với con người, làm cho người ta kính sợ, hoang mang, và đâm ra nghi ngờ tất cả những gì đang xảy ra chung quanh mình!

Đĩ nhiên, cũng như mọi người là phó mặc bản mệnh của mình vào tay đấng tối cao. "Làm lành lánh dữ"... đó là câu người ta nêu ra để làm theo, hầu cứu rỗi phần linh hồn.

Ông Bác thì năm nào cũng đi dự đại hội Thánh Mẫu. Bác lại giữ gìn cho gia đình Trinh một cái lều, ở chỗ hàng năm thường ở, vì gia đình bác đến đây rất sớm, ngay thứ hai đầu tuần đã có mặt gia đình bác rồi.

Như lần trước, gia đình Trinh đến vào ngày thứ năm đầu tháng tám. Sáng sớm máy bay đã đáp xuống phi trường Springfield, Missouri, một anh con Bác đi đón về Carthage là nơi đại hội diễn ra.

Sau khi sắp xếp trong căn lều xong, Tí Ti đã hỏi thúc:

- Mình đi tìm Cu Em bây giờ há mẹ?

Từ khi nghe cha mẹ nói đi Đại Hội, Tí Ti cũng háo hức trong chuyện này, tối ngày nó lo chăm chút những món đồ chơi nhỏ, với ý định là cho Cu Em, vì nó cũng nhớ thằng Cu Em lắm.

Vẫn những gian hàng bán thức ăn của các giáo xứ qui tụ, trong chỗ bán thức ăn ngay khu đất mà người Việt họp mặt cắm trại đông đảo nhất.

Nhìn những căn lều trại nhiều vô số kể trước mặt, những gian hàng rộng lớn của các giáo xứ dựng lên để đón khách, như gian hàng vợ chồng Trinh đang đứng, mùi thịt nướng từ phía trước lan toả bốc lên ngát mũi, mà lần trước, hình như cũng là quán này nơi Trinh gặp ông Ninh. Trinh vừa vui vừa mệt, vừa nóng lại hân hoan... bởi có thể được gặp những người thân từ lâu không gặp, nhất là gia đình ông Ninh.

Khi đó thì một anh bạn bước đến ôm chầm lấy Tim một cách vui vẻ, và nụ cười tươi nở hết cỡ trên môi anh ta. Thế là quây quần chuyện trò. Trinh cũng vui vì bắt đầu gặp lại những người bạn thân quen.

Vừa nói chuyện, Trinh vừa đảo mắt nhìn chung quanh, hy vọng thấy bóng dáng ông Ninh, Thạch Động, Mây, hay Cu Anh, Cu Em... nhưng hoài công. Khá lâu sau, khi đứng lên Trinh hơi thất vọng, nhất là bé Tí Ti buồn ra mặt.

Đi loanh quanh trong khu bán hàng, đi ăn buổi tối cũng không tìm thấy người muốn tìm! Trinh dất tay Tí Ti vào nhà thờ cầu nguyện. Buổi tối, vì mệt, hai mẹ con ngủ một giấc cho đến sáng hôm sau Trinh chợt thức giấc và nhớ đến buổi sáng năm nào, khi thằng Cu Em bỏ lại gân và chui vào người mình ngủ, Trinh chợt nhớ nó day diết!

Từ khi gặp Cu Em về, Trinh và Tim đã cố gắng để có thêm một em bé, và Trinh đã có bầu. Nhưng oái oăm thay, khi cái thai được năm tháng, nàng bị làm băng, không giữ được đứa con, và đau đớn hơn là không thể có bầu được nữa! Trinh rất buồn về chuyện này, càng buồn càng nhớ tới thằng Cu Em.

Số điện thoại ông Ninh cho sau đó bị cắt, không liên lạc được nữa. Nhà ông không xài cell phon. Vì thế Trinh chỉ cầu mong cho lần đi này gặp được thằng Cu Em, đứa nhỏ mà nàng yêu mến, dù biết gặp rồi về nhà lại càng nhớ thêm.

Qua thứ sáu, Trinh đi viết tờ giấy nhắn tin, nhờ mấy thầy ở phòng thông tin đọc giùm, rồi về nhà cùng Tí Tí ngồi chờ. Hai mẹ con chờ mãi, buồn ngủ quá vừa nằm xuống thiu thiu, thì bỗng nghe tiếng gọi nhỏ:

- Cô ơi... cô.

Trinh giật mình ngồi lên, mừng rỡ khi thấy con Mây đang đứng ở cửa lều. Thế là hai mẹ con theo Mây đi về lều của nó. Trên đường đi, con Mây cho biết mẹ nó mất cũng nửa năm nay rồi. Năm ngoái ba nó buồn nên không đi dự hội, năm nay mới đi. Ba nó đang ở nhà để giữ thằng Cu Chót.

Gặp lại ông Ninh, cả nhà Trinh mừng rỡ, nhất là Tí Tí. Nó đứng im nhìn thằng Cu Em, nay lớn hơn một chút và hơi ốm. Trinh ôm lấy Cu Em, nó cũng ôm Trinh và buột miệng:

- Mẹ, mẹ.

Thì ra nó cũng còn nhớ nàng! Trinh thương thằng bé quá, ghi chặt vào lòng mình. Sau đó, hai đứa nhỏ ôm đồng đồ chơi Tí Tí đã mang theo ra một góc ngồi với nhau, có thằng thêm Cu Anh và Cu Chót nhập cuộc.

Ông Ninh kể cho Trinh và Tim nghe về chuyện nhà ông. Con cái đông, dù được trợ cấp, nhưng tội nghiệp từ ngay mẹ mất, con ông đã không có đủ tình thương và sự săn sóc hàng ngày từ bàn tay mẹ hiền.

Một ý nghĩ nhanh thoáng đến trong đầu Trinh. Tự dưng nàng buột miệng:

- Hay là ông cho tụi tôi được nuôi nấng Cu Em, giúp cho ông một tay, và cho cháu có người để ý đến hàng ngày.

Trinh kể cho ông nghe trường hợp của vợ chồng mình, không thể có đứa con thứ hai. Tí Tí rất thích Cu Em. Ông không cần phải làm giấy tờ thay đổi gì cả, nó vẫn là con của ông, chỉ cần báo cho sở xã hội biết là Cu Em đến sống với người bà con thôi.

Đĩ nhiên là ông Ninh hơi bất ngờ. Ông nhìn lũ con thơ dại nhe nhóc của mình, rồi ông nói sẽ trả lời trước khi tan đại hội.

Những ngày sau đó là những ngày vui, đi đâu Cu Em cũng tháp tùng gia đình Trinh. Nó tự động đi theo Trinh khi nghe nàng mở lời xin phép, khiến ba nó cũng phải phì cười!

Hai đứa trẻ thật là vui khi gặp lại nhau. Còn Trinh, nàng hồi hộp không biết ông Ninh có đồng ý cho thằng Cu Em đi theo nàng hay không? Ý nghĩ bất chợt đến khi mà Trinh chưa bao giờ bàn với Tim về điều này, bởi nàng đâu có dự định mà nói!

Thế nhưng Tim cũng thông cảm và đồng ý với vợ. Trinh nói nhỏ vào tai Tim:

- Cảm ơn anh đã thuận cho em.

Vợ chồng Trinh đưa hai đứa nhỏ vào nhà thờ, bắt chúng cầu nguyện cho mọi chuyện suôn sẻ. Cu Em và Tí Tí thường ngược lên bàn thờ, chấp tay lẩm bẩm:

- Xin Chúa cho tụi con được ở gần nhau.

Cuối cùng thì tin vui cũng đến, ông Ninh muốn cho đứa con của ông có cơ hội sống gần những người có kiến thức, lại yêu thương trẻ. Dù nhớ con, nhưng ông hy sinh để con đi, cho tương lai của Cu Em sáng sủa, hơn là ở với ông... nhưng nếu Cu Em đi, thì phải có thêm Cu Anh, vì sợ nó nhớ nhà thì còn có nhau.

Từ đó họ hẹn gặp nhau mỗi năm tại Đại Hội Thánh Mẫu, ông Ninh sẽ rất vui khi ông và các con được gặp lại hai thằng Cu, còn vợ chồng Trinh và Tí Tí thì sung sướng vì có được hai thằng bé mình ưa ái sống bên cạnh, giúp cho nó có một tương lai tốt đẹp, đời sống có bàn tay chăm sóc của mẹ hiền.

Trên trời cao, chùm bong bóng mang màu xanh trắng, biểu tượng cho cờ của Mẹ đang bay lên, Cu Anh, Cu Em và Tí Tí ngược nhìn, rồi nắm chặt lấy tay mẹ.

Điểm Châu (Cát Đơn Sa)

(California)

QUÊ CHÂU

Đã mấy xuân rồi, hã bẻ dâu ?
Nhưng hình bóng cũ nay về đâu ?
Có ai đốt lại lò hương ấy
Mà nhớ vô cùng, hỡi Lê-Châu!

Ta nhớ em như nhớ tháng ba* :
Ngày giờ có đó, nghĩ không ra!
Chính ta chẳng hiểu mơ hay tỉnh;
Ta ở đây mà nhớ chính ta!
(*) 29/03/1975: Đà Nẵng
(thủ-phủ Miền Trung) thất-thủ.

Ta nhớ ta là một tiếng im,
Con thuyền không bến, máu không tim,
Không hoa cho một làn hương quyện,
Không tổ nương nhờ một cánh chim!

Ta có đâu ta – một thánh-thư:
Biết đường, đâu ngại ngã ba, tư!
Lòng ta có lửa mà không bếp,
Như thiếu trùng-dương cho hải-ngư!

Thiếu một thần-giao, một cảm-thông;
Đời không tri-ký, không tâm-đồng;
Bơ-vơ như trận kinh+nghê-chiến:
Biển cả tung-hoành một lão-ông!

Rồi bỗng đâu đây giữa gió khơi
Có em bỗng gọi, có ta "ơi!"
Thuyền như nhắm bến, chim tìm tổ,
Đêm muốn hừng đông, hận muốn vui ...

Em đến – gần mà như muôn trùng,
Không tên, không lấy cả hình-dung...
Nhưng em đã đến, bằng xương thịt,
Đã sưởi lòng ta ... ấm lạ-lùng!

Em có là tiên... hay là... ma
Thì em cũng đã có yêu ta!
Tình em là một nguồn thi-hứng:
Bút ri mười năm... lại nở hoa!

Em đã theo ta mỗi bước chân,
Hòa trong hơi thở, nhập trong gân!
Có em là bạn... nên từ đó
Ta có niềm vui tự bản-thân...

Nhưng, bỗng tư bề nổi bão đêm:
Kinh-ngư còn lại bộ xương lem!
Đất thành hoang đảo! dân thành rợ!
Ngư-phủ vào tù, lạc dấu em...

Nổi nước khôn khuây, lại nổi nhà,
Nổi mình khắc-khoái một mình ta!
Bao nhiêu kỷ-niệm vào tro bụi
Như những kê vàng, quá-khứ xa ...

Ôi! Những ngày xanh, những ước mơ
Tan như ảo-ảnh mỏng trời mưa!
Thời-gian liệm lấp vào quên-lãng
Những mộng vàng son hóa mộng hờ!

Rồi có hôm nào như hôm nay:
Gió nào gợn sóng, lá nào bay ...
Cho ta gọi lại trong tâm-tưởng
Một thoáng ân-tình, thoáng rượu say ...

Trại Kho Đạn (Đà Nẵng), 1980-81

THANH-THANH

VỀ QUÊ LẦN CUỐI

Văn Quang

Viết từ Sài Gòn

Rất bất ngờ, vào dịp cuối năm 2012, các ông Nhật Giang và Vi Túy từ Úc gọi điện thoại cho tôi với một câu hỏi cũng rất “giật gân”: Anh có muốn về Thái Bình không? Tôi nghĩ hai ông này định dờn mặt với mình đây. Tôi còn đang phân vân tìm cách đối phó để khỏi rơi vào bẫy việt vị, Nhật Giang nói ngay: Thật đấy, chuyến này báo Văn Nghệ sẽ đi làm từ thiện ở Thái Bình, quê hương anh đấy. Anh thấy thế nào?

Tôi trả lời không cần suy nghĩ:

– Các anh làm từ thiện từ Đồng Bằng sông Cửu Long đến Campuchia, rồi Huế, Pleiku, Kontum, chỉ còn thiếu miền Bắc. Đồng bào đói khổ thì ở đâu cũng là người Việt mình cả. Sao lại không ra miền Bắc một chuyến nhỉ.

Vi Túy hỏi rất thành thật:

– Theo anh, miền Bắc còn nhiều gia đình nghèo lắm không?

– Ở đâu cũng có người nghèo trên khắp giải đất VN này. Ở miền Bắc, họ hàng tôi còn nhiều, nhất là ở tỉnh Thái Bình mà các anh vừa đề cập tới. Có những người “trên không chằng, dưới không rể”, nói rõ ra là họ không có người thân, không có họ hàng hang hóc với chính quyền địa phương, phần đông còn nghèo khó là cái chắc, chẳng khác gì những người ở các vùng quê miền Nam đâu. Chưa nói đến trường hợp như mấy đứa cháu tôi, sự nghèo khổ còn thê thảm hơn, kéo dài suốt từ năm 1954 tới bây giờ. Tôi kể lại sơ lược sự thật đó để các anh hiểu rõ hơn.

Nỗi khổ từ “muôn năm cũ”.

Năm 1954, sau khi gia đình tôi vào Nam, anh cả tôi ở lại miền Bắc bởi anh theo kháng chiến chống Pháp từ những năm 1949. Như tôi đã có lần tường thuật với bạn đọc về cái chết oan uổng của ông anh cả tôi. Anh đang là chính trị viên, nhưng anh bị sốt rét nên sau khi đi bệnh xá, được nghỉ phép về làng dưỡng bệnh. Gặp ngay đợt cải cách ruộng đất, phong trào đấu tố được “phát huy” lên đỉnh điểm. “Chỉ tiêu” của làng tôi là phải đấu tố 3 anh địa chủ. Thế là ông anh tôi, vốn là con ông chánh tổng, bị lôi ra đấu tố rồi xử bắn. Để lại vợ và 3 đứa con nhỏ, có cháu mới 2 tuổi, cháu lớn nhất mới 6 tuổi. Bà vợ anh không chịu nổi cảnh nhục nhã này nên đã đâm đầu xuống ao nhà tự tử. Mấy đứa con nhỏ bị đuổi ra ở một túp lều lá trong khu vườn chè nhà tôi. Cả làng, kể cả người thân trong họ, cũng không dám giúp đỡ bất cứ thứ gì cho các cháu. Một lần các cháu mò cua bắt ốc, bắt được mấy con cá nhỏ ngoài đồng, mang về đến gần nhà, vô phúc gặp một anh dân quân du kích bắt đứng lại khám xét. Thấy mấy con cá, anh dân quân này quả quyết rằng hai đứa ăn cắp cá, anh ta mang đồ ngay mấy con cá xuống ao làng. Mấy đứa cháu tôi sống nheo nhóc trong hoàn cảnh đó. Tôi không muốn dài dòng về nỗi khổ này của các cháu. Chỉ biết rằng nỗi nghèo khổ đó đã theo đuổi các cháu từ năm 1954 đến nay. Một cháu đã mất tại Nam Định, một cháu bỏ làng ra Hà Nội sống cuộc sống lầm than cho đến bây giờ.

Tôi kể lại chuyện này để các anh hiểu thêm ở miền Bắc còn nhiều gia đình nghèo khổ, cái nghèo “tích lũy” lại từ bao năm

nay, đôi khi hơn cả miền Nam. Ở những làng quê Thái Bình không thiếu những gia đình như thế. Các anh đại diện cho bà con người Việt ở nước ngoài phát quà cho bất cứ tỉnh nào ở miền Bắc cũng sẽ gây xúc động cho bà con nghèo trong nước và gây được một tiếng vang đáng kể đấy. Một việc nên làm và không phải ai cũng làm được.

Ông Nhất Giang kết luận một câu hỏi gọn lỏn:

– Vậy anh có đi không? Chúng tôi lấy vé máy bay nhé.

Tôi “nóng máy” gật ngay: “Đi thì đi”.

Kinh Kha qua sông Dịch

Thế là chuyến đi bất ngờ của tôi về quê hương được ấn định từ ngày 25 đến 27-12 vừa qua. Thật ra từ mấy năm trước, mỗi lần báo Văn Nghệ về VN tặng quà, tặng nhà tình thương cho đồng bào nghèo, tôi vẫn còn đủ sức “chiến đấu” với anh em, từ Lộc Ninh đến Biển Hồ Campuchia, đến Tiền Giang, Đà Lạt tôi đều có mặt. Nhưng mỗi năm tuổi một cao, sức yếu không còn đủ sức “trường chinh” nữa. Năm nay đã 80, tưởng rằng anh em cho yên thân “dưỡng già” trong cái chung cư mục nát này. Nhưng tiếng gọi của quê hương, của những người nghèo khó lại bất ngờ bật dậy, nói theo kiểu chữ nghĩa linh tinh ở đây là nó bật dậy “đột xuất”!

Tôi theo dõi tin thời tiết trên truyền hình, miền Bắc đang vào đợt rất lạnh, có hôm dưới 13 độ C, tôi hơi lo cho “cái thân già” này. Nhưng nhớ lại những ngày nằm trong trại tù cải tạo ở Sơn La, trời lạnh 3 độ C mà chiều vẫn phải tắm nước suối lạnh buốt còn chịu được thì có xá gì cái lạnh Hà Nội. Thế là thêm “dũng khí” ra đi, cứ như Kinh Kha qua sông Dịch vậy. Đi chuyến này rồi về có “bỏ mạng nơi xa trường” cũng đáng lắm.

Xin bạn đừng cho rằng tôi “quan trọng hóa” chuyến đi này. Ở vào tuổi tôi, nhiều bạn bè đã ra đi, nhiều bạn mới năm trước còn dong chơi đây đó, nay đã nằm bẹp, muốn đi đâu cũng không đi nổi. Bây giờ, tôi đi bộ hàng ngày chỉ 15 phút đã thở “bờ hơi tai”. Biết mình sức yếu rồi, chỉ còn điều an ủi cuối cùng là “làm được cái gì thì cứ làm, đi được đến đâu thì cứ đi”. Chẳng có điều gì báo trước cho cỗ máy xài đã 80 năm, không hư chỗ nọ cũng hỏng chỗ kia, lụp vá lung tung, đến lúc nó “bung” là hết lết nổi. Do vậy mà chuyến đi của tôi hoàn toàn nằm ngoài dự tính và ngoài cả ý muốn, nhưng cũng phải “liều”. Bạn đã đọc câu chuyện vui tôi gửi đến quý bạn tuần trước: Ở VN “không liều thì không sống được”. Cho nên tôi đi chuyến này cũng là liều. Bởi tôi biết rất rõ, đi với “cánh Văn Nghệ Úc” là đi liên miên, ngồi xe vào đường làng xóc như nhảy mambo, cuộc bộ đường ruộng hàng vài cây số, đi liên miên để đến được nhiều nơi.

Đầu năm, cho tôi được tạm sự đường dài với bạn đọc thân mến của tôi thế thôi. Năm sau chẳng biết còn đủ sức, đủ minh mẫn để hầu chuyện bạn đọc nữa không.

Người Sài Gòn tiết kiệm cả đêm Giáng Sinh

Đêm 24-12, tôi đón Giáng Sinh ở Sài Gòn, vốn lười đi và tiết kiệm nên nằm nhà coi Ti Vi. Từ ngày phố xá Lê Lợi, Nguyễn Huệ trang hoàng đón Giáng Sinh và Năm Mới, tôi chưa hề bước chân ra đến mấy con phố chính rộn ràng đó. Dường như với người già ở thành phố này, nói chung, họ vẫn nghĩ năm nào cũng như nhau thôi, có đi xem cũng chẳng thấy gì khác. Và lại năm nay đời sống quá khó khăn, những thứ đèn đóm xa hoa, năm nào cũng phải có cho đủ “lệ bộ” thôi, chứ khó mà vui nổi khi còn

trăm thứ lo bù đầu. Vô tình, những thứ đó dành cho những người giàu hay ít ra cũng đủ ăn đủ mặc. Dân nhà nghèo năm nay lo chạy gạo, lo thất nghiệp, tiết kiệm cả đến một cốc xe đi hưởng thú vui không mất tiền, tức là không mất “phí”. Cái gì chứ nghe đến “phí” là dân nghèo hết hồn rồi. Mất tiền đồ xăng, chẳng lẽ không uống ly nước mía, thôi, thà ở nhà, tiết kiệm được cho gia đình bữa ăn sáng, để dành tiền nộp phí sử dụng đường bộ. Đây là một sự thật, ít ai nghĩ đến.

Tôi chỉ dám thức đến 11g đêm bởi sáng sớm hôm sau, 05giờ đã phải thức dậy ra máy bay. Coi như phải “bỏ quên đêm Giáng Sinh”. Chuyến Jestar cất cánh từ Tân Sơn Nhất lúc 07g30 phút, sau 1g45 phút sẽ đến sân bay Nội Bài. Jestar là hãng hàng không giá rẻ nhất tại VN bây giờ. Nếu lấy vé trước 1 tháng hoặc 1 tuần, giá sẽ rẻ hơn nhiều. Chỉ bằng nửa giá Air VN và ngang với giá xe lửa có giường nằm. Khoảng hơn 1 triệu đồng 1 lượt Saigon – Hanoi. Tất nhiên bạn lấy vé khứ hồi sẽ còn được bớt thêm nữa. Máy bay lớn, khoang hành khách chật chội, tất nhiên không “sang” bằng những hãng khác, nhưng cũng không tệ. Khi máy bay sắp hạ cánh, phi hành đoàn thông báo nhiệt độ tại Nội Bài là 14 độ C. Cô gái ngồi cạnh tôi lè lưỡi rùng mình. Cô vận chiếc quần soọc để khoe cặp đùi dài trắng nõn nhai. Có lẽ cô ra Hà Nội lần đầu.

Tôi “trang bị” khá kỹ, áo khoác dày cộm, khăn len quàng cổ, những thứ hàng “son” mua ở chợ Đà Lạt từ mấy năm trước, nằm kỹ trong đáy tủ, bây giờ mới “phát huy tác dụng”.

***Về quê hương mà chưa biết
đó là quê mình***

Từ sân bay Nội Bài, chiếc xe 16 chỗ chạy thẳng một lèo về Thái Bình. Con

đường khá dài, ngòi ề ầm mới tới nơi tôi đã sinh ra và lớn lên rồi bỏ xú ra đi. Gần 3 tiếng sau chúng tôi tới giáo xứ Phục Lễ. Ngôi nhà thờ rất lớn, với những hàng cây được nắn tia công phu quanh những khu vườn sạch sẽ làm tôn thêm vẻ trang nghiêm của nơi này. Người đón tiếp chúng tôi là cha Thao, rất lịch lãm, trẻ và đẹp trai không kém gì tài tử màn bạc. Cha đãi đoàn một bữa cơm khá thịnh soạn. Mọi chương trình đã được hoạch định từ trước cả chỗ ăn chỗ ngủ. Nhưng để khỏi làm phiền nơi tôn nghiêm và có tự do hơn, chúng tôi xin phép cha cho ra nghỉ ở khách sạn bên ngoài.

Đó là một kiểu “nhà nghỉ” ở giữa những con đường lớn. Có nơi treo bảng là “nhà ngủ” cho tiện việc sổ sách. Phòng chật hẹp, cũng có máy lạnh, toilet nhưng có vẻ hơi bầy hầy, bạn kiểm miếng xà bông cũng không ra. Đêm giữa đồng quê nghe ếch nhái kêu cũng vui tai. Tôi chợt nhớ ra là tôi rời quê ra đi vào năm 1950, đến nay đã hơn 60 năm tôi mới được ngủ lại ở chính quê hương mình. Nhìn khung cảnh đồng quê trước mặt mơ hồ trong ánh đèn đêm, dường như nó vẫn vậy, không có gì thay đổi. Thay đổi chẳng là ở con người. Tôi thật sự xúc động khi nhớ lại những con đường, những mái nhà, những ngôi trường tôi đã từng ề a học và những khuôn mặt từ xa xưa. Tất cả như còn đang lẩn khuất đâu đây và đang chờ đợi ngày chúng tôi trở về. Nhưng đồng thời với cảm tưởng ấy là ý nghĩ thực tế hơn, có lẽ đây là lần cuối tôi nghỉ lại nơi này. Niềm vui và nỗi buồn đan xen trong cái đêm “hội ngộ” hi hữu này. Đêm đó dù rất mệt nhưng tôi vẫn không tài nào nhắm mắt ngủ yên được.

Sáng hôm sau trở lại nhà thờ Phục Lễ, nghe các giáo dân nói chuyện tôi mới biết giáo xứ này thuộc xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình. Vậy mà từ hôm

qua tôi cứ tưởng giáo xứ thuộc huyện khác, mãi đến lúc đó tôi mới biết xã này thuộc huyện mình. Cách huyện lỵ Quỳnh Côi có 4 km, tức là cách làng An Hiệp của tôi 9 km. Bỗng dưng tắt và trở nên thân thuộc quá.

Buổi phát quà tại giáo xứ Phục Lễ

Đúng 9 giờ sáng buổi phát quà bắt đầu ngay tại sân sau nhà thờ Phục Lễ. Chúng tôi thấy việc tổ chức phát quà cho đồng bào nghèo ở một nơi như thế này là rất phù hợp. Nếu tổ chức ở một trụ sở hay ủy ban nào cũng bất tiện vì khẩu hiệu cờ quạt lung tung... Buổi phát quà cho cả đồng bào theo đạo Thiên Chúa và đạo Phật, không hề có sự phân biệt nào. Hơn 100 người đã tề tựu đông đủ, vài người “giàu lắm” cũng chỉ có chiếc xe đạp cũ. Phần quà gồm 2 gói thực phẩm và 100 ngàn tiền mặt. Đến nhận quà, hầu hết là các cụ già, các cô gái và em nhỏ vừa đủ tuổi xách được gói quà khoảng 4 kg. Quan sát những người dân ở đây, tôi không thấy điều gì khác biệt với những người dân ở các địa phương miền Nam mà tôi đã từng đi qua. Có lẽ người nghèo ở đâu cũng giống nhau cả thôi, quần áo “thời đại si đa” đủ mốt, đủ màu, đủ quốc tịch, chữ ăng lê trên ngực áo đủ kiểu kê cả kiểu “I ♥ you” trên áo các em nhỏ chưa đủ lớn khôn. Khác một chút là mùa lạnh nên ai cũng mặc vài ba chiếc áo chằng đụp nên có vẻ có da có thịt hơn.

Tôi cũng được anh em cử ra đứng phát tiền sau khi các cụ đã lãnh quà. Có cụ bê không nổi, rớt lung tung, người khác phải tới “khuôn” giúp. Có cụ quên cả lãnh tiền, dù đã được nhắc nhở, tôi phải kéo áo cụ lại mời cụ lãnh giùm cho. Có cụ nói “các ông cho nhiều quá, chưa có “ông” nào cho nhiều như thế”.

Tiếng gọi nhau í ới, vài người xúm lại “thò” mấy phần quà trên chiếc xe đạp cũ.

Họ vẫn còn quen với kiểu phương tiện vận chuyển thời chiến tranh đi tản cư, di cư.

Ngay hôm đó đoàn lại tiếp tục đi đến 4-5 nhà thờ khác nằm trong địa phận cai quản của cha Thao ở giáo xứ này. Đường làng nhỏ hẹp như bờ ruộng, có nơi xe gắn máy đi còn chật. Chúng tôi cuốc bộ từng chặng chừng 1-2 cây số. Thú thật, nếu không có mấy ông bạn mang giúp hành lý, tôi không đi nổi. Ở nơi nào bà con cũng có vẻ lạ lẫm với đoàn làm từ thiện từ nước ngoài về. Thậm chí có nhiều người chẳng biết nước Úc ở đâu, nếu không giải thích, họ vẫn cứ nghĩ rằng đó là nước Mỹ. Bà con ở miền này biết đến nước Mỹ và đồng đô la chứ quả tình không biết đồng đô la Úc hoặc đô la Canada. Xin bạn hiểu là rất nhiều người biết có đồng đô la chứ chưa nhìn thấy hoặc chưa được cầm đến bao giờ. Đó là điều ngược hẳn với dân Hà Nội. Ai cũng biết giá trị của từng đồng đô la và nhiều người định giá trị nhiều món hàng bằng đô la và tiêu bằng đô la mạnh tay hơn các cụ từ nước ngoài về VN đây. Suy ra từ đây, ở miền Bắc sự cách biệt về giàu nghèo giữa thành thị và thôn quê quá xa. Xa hơn cả miền Nam.

Trở lại chính nơi chôn rau cắt rốn

Buổi chiều chúng tôi lại lên đường trở về Hà Nội. Trên đoạn đường đó, chúng tôi đi qua huyện Quỳnh Phụ và qua cầu Hiệp. Đúng ra tên huyện cũ của tôi là Quỳnh Côi, nhưng sau này, các ông “nhà nước mới” sát nhập hai huyện Phụ Dực và Quỳnh Côi là một, đổi thành huyện Quỳnh Phụ. Rồi nhiều huyện, nhiều tỉnh thấy sự cai trị bất tiện nên lại tách lại các tỉnh huyện như cũ. Như Hà - Nam - Ninh, Vĩnh - Phúc - Yên... Nguyên cái việc sửa tới sửa lui này cũng tốn hết biết bao tiền của công sức của nhân dân. Giấy tờ đều phải làm mới để rồi làm lại như cũ. Sự thiếu nghiên cứu, thiếu kinh nghiệm, với

những bộ óc thích “đổi mới vô tội vạ” đã làm điêu đứng người dân không ít.

Ngày nay, cái phố huyện nhỏ xíu bây giờ được nâng lên thành thị trấn và đặt lại cái tên Quỳnh Côi quen thuộc, nhưng huyện thì vẫn là huyện Quỳnh Phụ.

Đi qua con đường đúng 5 cây số từ thị trấn về phố Bến Hiệp, tôi bồi hồi nhớ đến những năm tháng từ phố tôi đi học trường huyện. Con đường trải đá, hai bên đã mòn nhẵn, mỗi ngày có hai chuyến xe đò chạy từ Bến Hiệp đến tỉnh lỵ Thái Bình. Con đường đã in đậm thuở ấu thơ của tôi, thuở mới tập và thích làm người lớn, thuở bắt đầu biết yêu vụng nhớ thắm cô hàng xén hoa khôi của phố Hiệp. Bốn năm dài như thế, mỗi ngày đạp xe đi trên con đường cái quan này. In đậm trong khối óc trẻ thơ của tôi là vào năm 1943, hai bên bờ cỏ, dọc theo con đường này có rất nhiều người chết đói, nằm la liệt bên đường. Có những xác chết, vì không chôn kịp, đã cháy đen vì nắng như bị hỏa thiêu. Hầu hết họ là những người từ phương xa đến xin ăn ở huyện tôi. Nhà tôi đã bắt tôi phải nghỉ học cả tháng để tránh bệnh tật lây lan từ quãng đường kinh hoàng này. Bây giờ trở lại, đó là những hình ảnh bi đát nhất vẫn còn như trước mắt tôi.

Chùa làng Sơn Đồng và ông sư tự thiêu

Đi gần hết quãng đường này, chúng tôi vì tò mò ghé vào làng Sơn Đồng thăm ngôi chùa có vị sư mới tự thiêu cách đây hai tháng. Làng này cách làng tôi vài cái bờ ruộng và một lũy tre thưa. Bà chị ruột tôi lấy chồng ở làng Sơn Đồng. Anh chị tôi có chừng 7- 8 đứa con hiện ở cả bên Mỹ. Các cháu đề nghị tôi ghé qua chùa thăm lại cảnh xưa có đúng như bức ảnh đã được đưa lên internet không và lý do nào nhà sư đã tự thiêu.

Chúng tôi đến ngôi chùa Sơn Đồng vào buổi quá trưa “trời không nắng cũng không mưa, chỉ hiu hiu gió cho vừa nhớ nhung”. Không khí chùa ngoài vắng lặng, không một bóng người. Tôi lần ra phía sau chùa vãn cảnh, bất ngờ gặp được sư thầy, có lẽ là vị sư tạm thời trụ trì ở chùa này sau khi vị sư chính tự thiêu. Tôi gọi lại vài kỷ niệm cũ chứng tỏ mình là người cũ của địa phương này. Hồi đó bố tôi thường sai tôi sang chùa này mời cụ sư Hình sang nhà tôi đàm đạo. Cụ sư Hình rất phong khoáng trẻ trung nên tôi nhớ mãi tính cách đặc biệt của cụ. Vị sư thầy trụ trì mới này nhận ra ngay tôi là “người nhà”. Vị này tự giới thiệu tên thật là Phạm Tiến Hường.

Sư thầy ra gặp anh em trong đoàn và thuật lại chuyện vị sư đã tự thiêu. Thầy nói khá chi tiết. Tôi chỉ có thể tóm tắt vài điểm then chốt. Vị sư tự thiêu là thầy Thích Thanh Hoàng; tên tục là Nguyễn Văn Mười. Thầy viết thư tuyệt mệnh nói rằng “Thầy không oán trách phật tử, tự thầy oán trách thầy”. Nhưng theo thầy Phạm Tiến Hường thì một buổi sáng thức dậy, thầy Thích Thanh Hoàng bị “người ta” lấy hết toàn bộ đồ dùng của thầy, trong đó có cả máy vi tính và nhiều sách vở. Thầy buồn lắm nên tự thiêu. Tôi không thể suy luận hai chữ “người ta” đây là sư thầy Hường đã ám chỉ nhân vật nào hay cơ quan nào. Vì một lý do nào đó, thầy Hường cũng chỉ nói hai tiếng “người ta”, nhưng bạn đọc thừa thông minh có thể hiểu đó là ai và tại sao thầy Hường không thể nói rõ hơn được. Thầy Hường chính là người đã ở bên và giúp đỡ săn sóc cuộc sống cho thầy Thích Thanh Hoàng từ 10 năm nay nên biết rất rõ. Thầy Hoàng đã đổ 10 lít xăng lên người để tự thiêu vào buổi sáng. Sau đó vài ngày, chùa định làm một đám tang lớn nhưng lại được phường xã đề nghị cho đám táng đi vòng quanh con

đường phía ngoài chùa rồi an táng thầy phía sau miêng đất của chùa Sơn Đồng.

***Cây cầu Hiệp mới,
nối liền Hải Dương- Thái Bình***

Chúng tôi dừng lại chùa Sơn Đồng khoảng hơn 1 tiếng, buổi chiều anh tài xế trẻ đưa đoàn ra Bến Hiệp. Đây chính là nơi tôi đã sống suốt thời thơ ấu. Dãy phố có chừng vài chục căn nhà lâu, nơi có một số gia đình người Hoa làm ăn buôn bán cùng người Việt. Ngày nay chỉ còn lại là những dãy nhà tranh hai bên đường. Chỉ có cái cầu Hiệp mới làm xong, đó cũng là đặc điểm nổi bật nhất của tỉnh Thái Bình.

Cầu Hiệp bắc qua sông Luộc, nối liền đường bộ giữa 2 tỉnh Hải Dương - Thái Bình, cầu này thuộc 2 xã Hưng Long (huyện Ninh Giang) Hải Dương và Quỳnh Giao (huyện Quỳnh Phụ) Thái Bình, được khởi công xây dựng từ năm 2008. Cầu Hiệp có chiều dài 542,5m, rộng 12m. Buổi chiều trời mưa dăng nhẹ như mưa phùn mùa đông, cây cầu uốn cong nổi lên trên nền trời khá hùng vĩ giữa vùng quê nghèo. Tôi nhớ đến những lần bọn nhóc chúng tôi trần như nhộng, bơi qua sông Luộc giữa mùa nước lớn, dòng phù sa đỏ quạch chảy cuộn cuộn, sang bên kia sông ăn trộm vài trái bắp với cái lý do ngây ngô rằng bắp Hải Dương mới ngon. Và chỉ bơi qua sông chạy trốn về bờ nhà khi có người đuổi theo hô hoán, đứng trên bờ chỉ theo. Tuổi trẻ nghịch có vài phút sống lại.

Cây cầu này khiến tôi nhớ tới cây cầu Bo, lối bắt đầu vào tỉnh lỵ Thái Bình, nơi bà ngoại tôi sinh sống. Mỗi lần tôi được “lên tỉnh”, nhìn thấy cây cầu Bo như nhìn thấy một thiên đường mới. Đó mới là ấn tượng sâu đậm nhất trong tôi về quê ngoại. Tôi nhớ đến mấy câu về của bọn học trò vẫn hát om xòm: “Thái Bình có cái Cầu Bo.

Đêm đêm trai gái lại bò lên chơi. Cứ 5 mét lại một đôi”.

Bây giờ Thái Bình có tới 2 cây cầu Bo, một mới và một cũ, nằm song song, nhưng chuyến đi này tôi không đi qua cầu Bo. Chiếc cầu Hiệp đã thay thế, nhiều xe chạy đường Hà Nội đã thay đổi lộ trình chạy qua đường cầu Hiệp sang Hải Dương ngắn hơn và đường xá tốt hơn.

Buổi tối về đến Hà Nội, chúng tôi quá mệt mỗi chỉ còn nước lặn ra ngủ. Trong chuyến đi của đoàn có một ông bạn từ Cali cũng tháp tùng. Ông Tiến, tục gọi là Tiến râu, người nắm chung phòng với tôi và mang vác hành lý, giúp đỡ tôi rất nhiều trong suốt cuộc hành trình này. Thế là có cả độc giả từ Mỹ về cùng làm từ thiện cho vui về. Hà Nội đối với tôi chỉ là một trạm dừng chân đợi tàu xe. Nhưng cũng có nhận xét rất “vô tư” rằng người Hà Nội giàu hơn người miền Nam. Có rất nhiều nguyên nhân lý giải điều này sau khi tôi tìm gặp một vài người bà con, kẻ giàu nứt đố đổ vách, người nghèo kiệt xác như đứa cháu tôi ở giữa lòng Hà Nội.

Buổi tối chúng tôi trở về Sài Gòn trên chuyến bay cất cánh vào 19g30 hoàn tất chuyến đi làm từ thiện lần đầu tiên ở miền Bắc. Thừa thật với bạn đọc, ba hôm sau hai bắp đùi tôi vẫn còn đau, leo lên cầu thang lầu 1 chung cư không muốn nổi. Thế mới thấy rõ mình đã “quá đất” và ngòi tiếc nuôi thời trai trẻ. Nhưng dù thế nào tôi cũng bằng lòng với mình vì đã “làm được gì cứ làm, đi được đến đâu cứ đi”. Đó chính là cuộc sống “có lý” của tuổi già, phải không bạn?

***Văn Quang
Sài Gòn 04-1-2013***

SỐNG CHẾT CHO TÌNH YÊU

Tâm Ngọc (Tôn Nữ Mặc Giao)

(Bài giải nhất về truyện ngắn năm 2012 do “Văn Thơ Lạc Việt” tổ chức)

(Tiếp theo số báo 61)

Cha tôi được xuất viện nhanh chóng sau một cuộc tổng kiểm tra của các bác sĩ tham dự cuộc giải phẫu đầu cho ông. Vì nóng lòng muốn biết mọi chuyện nên cứ đòi mở cuộc họp mặt gia đình ở nhà ông ngoại ngay chứ không chịu nghỉ ngơi chờ đợi cho cái đầu mọc tóc trở lại gì cả. Vị bác sĩ tâm lý bệnh viện, thấy chuyện gia đình chúng tôi quá kỳ kỳ cũng xin góp mặt để theo dõi tâm lý bệnh nhân và tìm hiểu về hiện trạng lạ lùng đã xảy ra cho cha tôi. Nhưng tôi thật không ngờ vừa “clear” chuyện của cha xong thì lại “lòi” thêm ra chuyện của ông ngoại, có thật đời cha ăn mặn thì đời con khát nước không? Cho nên cuộc đời mẹ mới long đong bạc mệnh như vậy. Để cho có lớp lang thứ tự “kính lão thì đắc thọ”, xin mời nghe chuyện của ông Ngoại trước. Xin đừng cười khi tôi hay chêm những câu tục ngữ, ca dao hay thành ngữ học được từ trong sách vở Việt Ngữ vào bài mà không biết mình dùng có đúng chỗ không? Bởi Việt Ngữ chỉ là “second Language” đối với tôi. Tuy tôi không sinh ra tại Mỹ, nhưng tôi được ông bà ngoại bồng đi khi tôi chỉ mới được gần hai tháng tuổi. Cho nên phải nói, đây là cả một sự cố gắng hết mình của tôi khi viết lại một câu chuyện bi thương, đầy nước mắt của các bậc trưởng thượng trong gia đình tôi, bằng tiếng mẹ đẻ khi tôi chưa ra đời và chưa hề chứng kiến bao giờ.

Vào khoảng thập niên 50, công tử Châu Trọng Đạo tuy là con nhà nghèo, mồ côi cả cha lẫn mẹ, nhưng lại may mắn được sự bảo bọc của một gia đình người anh em kết nghĩa của phụ thân mình ở Nam Định, nuôi cho ăn học tới lớn và làm việc tại Hà Nội. Nhờ có cái mã đẹp trai, lại ăn chơi bay bướm, hào hoa rộng rãi với bạn bè nên được thiên hạ phong cho hai chữ “công tử” chứ thật ra chỉ là “trên răng, dưới rún, chính giữa làng nhàng” mà thôi (chữ của ông ngoại tôi) chứ nào phải giàu có gì cho cam. Ban ngày cậu làm thư ký cho một hãng buôn lớn của người Pháp, buổi tối cậu đi hát cô đầu. Lãng nhãng lịch nhích thế nào mà cậu lại “tặng” cho con gái bà chủ nhà trọ Hà Nội một cái “dầu ái ân” ngày càng lớn mạnh đặng trước bụng. Hoảng quá cậu vội đánh bài tầu mã trốn vào Sài Gòn, nhờ bạn bè giới thiệu với khả năng Sinh Ngữ lưu loát, cậu được hãng thuốc lá MIC nhận ngay vào làm việc. Khi cuộc sống đã ổn định, có tiền rủng rỉnh rồi, máu “công tử” lại trỗi dậy trong người cậu. Đêm đêm cậu la cà khắp chốn ăn chơi và tiếp tục đem “nòng súng nhân đạo đi cứu người lâm than”. Nhưng bây giờ cậu đã biết khôn, không để cho “người lâm than” nào bị đeo ba lô ngược cả. Rồi cũng nhớ tài ăn nói và bộ mã sáng sủa, cậu lọt được vào mắt xanh và kết hôn với một tiểu thư con nhà danh giá, có cha làm “lớn lắm” trong guồng máy chính phủ thời bấy giờ. Dựa vào thế lực nhà vợ, cậu thôi không làm cho hãng thuốc lá MIC nữa. Được cha vợ cất nhắc

đưa vào làm trong bộ Ngoại Giao, sự nghiệp của cậu lên như điều. Cha vợ làm lớn, cất nhắc con rể “lớn” theo cũng là lẽ đương nhiên mà thôi.

Khi hiệp định Genève chia đôi đất nước, nền Đệ Nhất Cộng Hoà được thành lập với vị Tổng Thống đầu tiên của miền Nam Việt Nam là ông Ngô Đình Diệm thì bố vợ của cậu đã lên đến tột đỉnh vinh quang, tiếng tăm lừng lẫy và cậu cũng được thơm lây. Chính vì quá ham danh vọng, quá dựa vào họ nhà vợ sợ mất đi những cái mình đang có trong tay, nên nhất nhất cái gì cũng phải nghe theo lời bố vợ. Không dám làm tâm bậy tâm bạ sợ gây tai tiếng là chết với ông bố vợ, chỉ cần một tiếng nói của “người làm lớn” đó thôi là cậu lập tức trở thành “Trần Minh khổ chuối” ngay. Người ta vì thương con gái người ta nên đã ban phát cho cậu những “hào quang sáng chói” của cuộc đời thì họ cũng có thể làm cho đời cậu tối hù ngay lập tức. Vả lại lúc đó cậu cũng đã leo được lên đến “Tham vụ Bộ Ngoại Giao” và xuất ngoại lung tung. Sau một chuyến đi Tây về, cậu phát hiện trong nhà có một người giúp việc mới (con sen) mà vợ cậu vừa mới mượn về thay cho chị người làm trước, vừa lười vừa khó bảo nên vợ cậu cho nghỉ rồi. Thoạt nhìn thấy “con bé” giúp việc cậu giật nảy mình, chính là con bé con bà chủ nhà trọ ở Hà Nội đã bị cậu cho đeo ba lô ngược ngày trước và đánh bài tầu mã khi nghe tin nó có bầu, thì ra nó cũng nhanh chân chạy được vào Nam trước khi lệnh di cư chấm dứt. Phân con bé khi vừa gặp mặt cậu là cứ nhìn đăm đăm nhưng không dám hỏi vì có mặt phu nhân của cậu ở đó. Cậu suy nghĩ hoài không biết làm sao, bèn thú thật với vợ vì biết vợ rất yêu mình, cái gì cũng có thể bỏ qua. Vợ cậu quả là “Mẫu Nghi Thiên Hạ” yêu chồng đến thế thì thôi. Lặng lặng tìm hiểu, nói chuyện dò hỏi nơi con bé ở. Biết được

“dấu ái ân” ngày trước của chồng là một đứa con gái lớn hơn con gái bà 3 tuổi, động lòng trắc ẩn bà định bảo bọc và nuôi nấng mẹ con họ. Nhưng cậu không chịu, không muốn dính dáng gì tới nữa với cái dĩ vãng lem nhem ngày xưa ấy. Cậu bây giờ chỉ muốn mình được yên thân làm một người trong sạch không tai tiếng để còn ra ứng cử với tham vọng sẽ được đắc cử một cái chức gì đó trong chính phủ thời bấy giờ, hy vọng một ngày kia sẽ trở thành “ông nhớn” đầy quyền hành như bố vợ.

Sự phũ tay của cậu không được bà vợ chấp nhận, nhưng bà chưa kịp làm gì hết thì con bé người làm đã âm thầm biến mất, mà mãi đến hơn nửa thế kỷ sau bà mới biết được sự thật sau khi nghe xong câu chuyện đoàn tụ của cha con tôi. Thì ra cậu đã dùng tiền bạc và thế lực của bố vợ “đầy” người ta ra khỏi Sài Gòn cho khuất mắt. Cũng may là cái người thừa hành lệnh của cậu “an bày” số phận mới cho mẹ con họ, động lòng trước hoàn cảnh tội nghiệp của hai mẹ con nơi xứ lạ quê người, nên đã ra tay nghĩa hiệp giúp đỡ và họ trở thành chồng vợ sau đó không lâu. Với số tiền cậu cho để bịt miệng, hai vợ chồng họ kinh doanh mở xưởng đồ gốm ở tận đầu vùng giới tuyến Quảng Trị Đông Hà, cũng may nhờ trời thương buôn bán ngày càng phát đạt. Cái dấu ái ân rơi rớt của cậu ngày xưa đã khôn lớn thành một thiếu nữ diễm lệ với cái tên Trần Lệ Thu, sau này kết hôn với một người đàn ông không rõ lai lịch vì bị mất trí nhớ. Người đó chính là Cha tôi, tên Trịnh Nguyên Khải trước khi mất trí nhớ và là Đỗ Thành Tâm bây giờ. Cha kể:

Ngày đó, xa xôi lắm đối với một người vừa tinh dậy “sau cơn mê”. Cha chỉ là một người lính nghèo với cấp bậc Trúng Ủy Biệt Động Quân. Trong một lần về phép Sài Gòn, cha lái Honda đụng phải mẹ trên đại lộ Hàm

nghe khi mẹ đi bộ băng ngang qua đường. Từ đó, chuyện tình của người con trai thời chinh chiến và cô nữ sinh con ông “bự” đã được ông tơ bà nguyệt se lại, nhưng đụng ngay phải sự phản đối quyết liệt từ phía ông ngoại bởi bức tường môn đăng hộ đối chắn ngang. Ông Ngoại chê cha là một “thằng lính quèn”, ông ngoại muốn cho mẹ đi du học và kén rể trong giới “tai to mặt bự” mà ông ngoại quen biết, ít nhất cũng phải là cử nhân, tiến sĩ đi du học về. Mẹ không chịu, phản đối quyết liệt. Ông ngoại nóng giận, bỏ đói nhốt mẹ. Bà ngoại thương con gái nên đã lén chồng thả cho mẹ đi tìm cha. Thời điểm này (thời Đệ Nhị Cộng Hoà với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu) ông ngoại đã đóng lon Chuẩn Tướng bởi sau khi ông bố vợ (tức ông cố của tôi) qua đời năm 1957 thì ông ngoại cũng từ bỏ bộ Ngoại giao tòng quân theo lệnh tổng động viên ra chiến trường cầm quân giết giặc. Cho nên lúc này quyền hành ông ngoại có thể nói là hết ra lửa, muốn “đi” cho cha chết mấy hồi. Ông ngoại tức giận nói mẹ làm bại hoại gia phong, bêu xấu ông ngoại và từ mẹ luôn không ngó ngang gì đến nữa. Bà ngoại vì thương nhớ mẹ nên đồ bệnh nặng, ông ngoại sợ bà ngoại chết, sai lính “lôi” đầu mẹ về tỉnh chia uyên rẻ thúy thì phát hiện mẹ đã có thai. Ông ngoại càng tức giận hơn nữa mà không dám đánh con gái, ông kịp thời nghĩ lại có lẽ tại ngày xưa ông phá hoại đời con gái người ta rồi trốn trách nhiệm nên ngày nay con gái ông phải trả quả. Thêm vào lời cầu xin của bà ngoại, ông đành phải lòi “thằng trời đánh” về giảng “moran” cho một trận rồi nuốt giận gả mẹ cho cha.

Sau khi được danh chánh ngôn thuận nên duyên chồng vợ, mẹ không ở nhà bà Nội cũng không ở nhà bà ngoại mà theo chồng rày đây mai đó. Tháng giêng năm 75, cha đưa mẹ về Sài Gòn ăn Tết, vì thấy tình hình chiến sự ngày càng căng thẳng, cha khuyên mẹ ở lại nhà ông ngoại chờ sanh. Cha mẹ bàn nhau

nếu sanh con trai sẽ đặt tên là Trịnh Văn Hiến, nếu là con gái chỉ cần thêm chữ Ngọc thay cho chữ thị là được rồi. Sau đó cha trở ra đơn vị cùng bạn bè tác chiến, không ngờ đơn vị cha bị thất thủ và cha bị bắt. Xin thay mặt mẹ bổ xung những đoạn về mẹ của những ngày đất nước mới “được giải phóng” (nghe mẹ kể khi còn sống). Tin cha mất tích được báo về với gia đình, mẹ khóc ngất đòi đi tìm cha, ông bà ngoại can ngăn khuyên mẹ hãy nghĩ tới sự an toàn cho đứa con trong bụng, có tin tức gì ông ngoại sẽ cho biết ngay. Nhà bà nội nghèo, ở trong con hẻm bên cầu Ông Gia Định. Ông nội mất sớm, bà nội ở có một mình với quán cơm tấm, cả phê bình dân làm sinh kế bán cho dân lao động đi làm vào buổi sáng sớm. Nay nghe tin con trai mất tích, mẹ sợ bà nội xuống tinh thần nên dọn qua ở với bà nội. Cuối tháng hai, sau khi mẹ sanh tôi, miền Nam càng ngày càng dầu sôi lửa bỏng, thất thủ liên miên. Chiều 20 tháng 4, ông ngoại qua nhà bà nội nói mẹ với bà nội thu xếp theo ông ngoại vào tòa đại sứ Mỹ ngay. Bà Nội nói cha mất tích chứ không phải chết nên bà phải ở lại chờ cha về, mẹ cũng không chịu đi. Ông ngoại năn nỉ cách mấy cũng không được, cuối cùng mẹ dứt ruột quyết định gởi đứa con thơ còn đỏ hỏn nhờ ông bà ngoại bỗng đi nuôi nấng dùm để mẹ ở lại đi tìm cha.

Sau đó Sài Gòn thất thủ, “đình” của ông bà ngoại bị “cách mạng” trưng dụng, mẹ có đưa sổ gia đình chứng minh mẹ là con gái ruột của chủ nhà để xin giữ lại ngôi nhà thì bị họ nạt nộ:

- Gia chủ chạy theo Mỹ Ngụy mà còn đòi nhà hả? Có một mình mà ở làm gì cái nhà to như thế này? Để cho nhà nước “nằm” việc.

Mẹ trở về tá túc với bà Nội, hai mẹ con đùm bọc lẫn nhau. Tội nghiệp mẹ, hồi nào tới giờ là tiểu thơ khuê các có làm gì động móng

ĐẦU NĂM MỚI DƯƠNG LỊCH LÀM THƠ THĂM BẠN THƠ

đầu Năm xuân đã về chưa Thơ ?
mông một mưa giăng mắc mịt mờ!
tưởng cách quê nhà Thơ cạn ý
thật gần huynh hữu Nghĩa đầy mơ
năm châu: bảy chữ năm vắn lựa
bốn bề: ngũ ngôn tứ tuyệt thơ
nhất chỉ lò cò mà rộng khắp*
Việt Nam Thi phú khó làm ngo

Tố Nguyên

01/01/2013

* bà con đa số dùng Computer gõ bài bằng
một ngón tay, gọi vui là Nhất Dương Chỉ.

ĐÔI BỜ THƯƠNG NHỚ

(Họa)

Thương nhớ mười lăm... bước thẩn thơ
Ánh trăng sao xuyên quện sương mờ
Mưa chiều đất Bắc buồn da diết
Nắng sớm miền Nam rộn ước mơ
Người ở bên ni... hoa kết trái,
Kẻ về phương nó nhện giăng tơ.
Xa nhau mấy chục năm rồi nhỉ,
Em có khi nào chợt... ngẩn ngơ!

Hồ Công Tâm

1.5.2012

tay đâu, bây giờ phải dậy sớm thức khuya,
lam lũ phụ mẹ chồng buồn bán, làm tròn bốn
phận dâu con. Mẹ dọ hỏi tin tức cha khắp nơi

qua những người quen biết, nhưng đa số các
sĩ quan của chế độ cũ đã bị gom lại bắt đi học
tập theo chính sách chế độ mới hết rồi nên
cũng không hỏi được nhiều. Chỉ có một vài
người Hạ Sĩ Quan dưới quyền của cha ngày
xưa cho biết, họ có nhìn thấy cha khi bị bắt
chung. Lúc còn nhốt ở trong rừng chờ ngày
dẫn ra Bắc vì lúc đó Sài Gòn chưa thất thủ.
Có một lần cha vượt ngục bị họ bắt lại được,
họ đánh đập tàn nhẫn và nện báng súng vào
đầu cha đến ngất đi nhưng cha vẫn không tòn,
cứ có cơ hội là cha “chầu”, họ cho cha là
thành phần nguy hiểm nên giam biệt lập. Sau
khi Sài Gòn thất thủ, họ là Hạ Sĩ Quan nên
được thả về địa phương học tập 3 ngày, từ đó
không biết số phận cha ra sao, nhưng họ quả
quyết là cha vẫn còn sống. Hai mẹ con (mẹ và
bà nội) mòn mỏi chờ tin cha, tất cả những sĩ
quan đi học tập giờ đã có tin về gia đình,
riêng cha vẫn bật vô âm tín. Mẹ nóng ruột,
lần mò đến tận nơi cha bị bắt dò hỏi trong dân
chúng, vào tận trụ sở công an, trình bày sự
việc đề cầu may xem họ có biết được những tù
binh bị bắt khi xưa đã được đưa về đâu không?
Nói tóm lại, mẹ không bỏ qua bất cứ cơ hội
nào dù là hy vọng rất mỏng manh. Lúc đó,
những người được gọi là “chiên thẳng” nhìn
vợ của những sĩ quan cũ bằng con mắt không
được thiện cảm (nếu không muốn nói là căm
thù). Cho nên mẹ chỉ nhận được một sự trả lời
lạnh lùng khinh khinh thật đáng ghét:

- Không biết!

Tôi nghiệp mẹ, một cánh hoa trong thời
loạn. Bôn ba khắp nẻo đường đất nước tìm
chồng sau ngày tàn chinh chiến, dù chỉ nhận
được sự lạnh lùng từ những con người của
chế độ mới, nhưng mẹ vẫn không nản lòng.
Mẹ thấp tẹt theo quý phu nhân quen biết có
chồng là Sĩ Quan bị đưa ra Bắc, nay được
giấy đi thăm nuôi chồng. Mẹ cũng phụ gồng
gánh đi chung với họ, được các phu nhân khai

là chị em, nên được tháp tùng vào tận nơi thăm nuôi dò hỏi. Rồi cũng có một vài vị Sĩ Quan cho biết tin tức về cha, nhưng lại là tin buồn. Họ nói là cha vượt ngục lần cuối cùng trước khi Sài Gòn bị thất thủ một tháng, đêm hôm đó họ nghe có vài tiếng súng nổ xa xa, và sáng ra khi gom tù lại một chỗ họ không còn nhìn thấy cha đâu cả (họ chỉ được di chuyển vào ban đêm mà thôi, ban ngày bị nhốt vào một chỗ canh giữ). Bây giờ cũng không thấy cha trong đoàn tù ngoài Bắc, họ đoán nhiều phần là dữ nhiều lành ít rồi khi biết cha cũng không quay về tìm mẹ. Mẹ vẫn không bỏ cuộc, nhưng bà nội thì tuyệt vọng vì bất tin cha nên đổ bệnh nặng qua đời. Một mình mẹ lo ma chay tang chế và trở thành một con người xốc vác, bôn ba đây đó. Thời gian này mẹ đã liên lạc được với ông bà ngoại ở nước ngoài nên tài chánh của mẹ không đến nỗi eo hẹp lắm. Nhưng mẹ vẫn “nhảy” xe lửa từ Nam ra Bắc, hoặc đón xe đò từ miền Tây lên Sài Gòn để buồn đi bán lại các loại hàng hóa với niềm hy vọng duy nhất: Một ngày kia sẽ được trùng phùng với cha.

Đến khi con gái của mẹ bắt đầu đi Mẫu Giáo, vì sợ con gái không nói được tiếng Việt và muốn dạy con theo ý mình, để mai sau có gặp lại cha cũng không hổ thẹn vì đã làm tròn trách nhiệm người mẹ. Mẹ chấp nhận nộp đơn bảo lãnh của ông Ngoại để ra đi đoàn tụ với con. Trước khi đi Mỹ, mẹ còn nghĩ sợ cha về không liên lạc được nên đã cẩn thận gói gắm khắp nơi. Mẹ tìm đến những gia đình người bạn của cha và thân nhân họ hàng quen biết, dặn dò xin họ giúp đỡ nếu cha có tìm về được thì báo cho mẹ biết. Hai năm sau mẹ đặt chân tới Mỹ, và tôi thân thiết với mẹ ngay như đã kể ở trên. Việc đầu tiên mẹ làm là liên hệ với các hội đoàn người Việt, đưa tên tuổi, cấp bậc, số quân của cha nhờ họ tìm dùm. Nhưng có lẽ duyên cha mẹ đã tận, nên khi tôi vừa lấy được mảnh bằng tốt nghiệp

Đại Học thì mẹ qua đời vì chứng ung thư gan lúc tuổi đời chưa đến 50. Cha nghe xong ôm mặt khóc ngất, khi đã qua cơn xúc động, cha nghẹn ngào kể tiếp:

- Thật ra lần đó cha đã vượt thoát, lúc đó hình như họ đã đưa bọn cha ra đến Thừa Thiên, Huế thì phải. Khi thì đi bộ theo đường mòn Hồ Chí Minh, lúc thì bị tống lên motolova bít bùng, tiếng súng nổ trong đêm là họ bắn bừa theo hướng cha chạy mà thôi. Sáng ra, cha lột bỏ đồ nhà binh, giữ lại cái áo thun và quần đùi đi chân đất len lỏi trong rừng chịu đói chịu khát, ban đêm núp lại vì sợ phát hiện. Họ di chuyển ban đêm và núp lại ban ngày trái ngược với cha. Vài ngày sau cha ra được đến Quốc Lộ 1 nhập chung với đoàn người di tản, và cha đã khóc hu hu lên khi nhìn thấy tử thi lính mình cũng như dân chúng bừa bãi khắp nơi, cái cảm giác nước mắt nhà tan khiến cha đau lòng cực điểm. Cha cứ nắc lên liên hồi giữa đám tử thi cho đến khi nghe thấy một tiếng nổ lớn kinh hồn rất gần bên, tai cha ù đi, thân cha được nhấc bổng lên và rơi xuống thật nhẹ nhàng. Có cảm giác như đi vào một thế giới khác....

“Di” Lệ Thu từ này giờ yên lặng, thỉnh thoảng đưa “tissue” lên chậm nước mắt, bỗng kể chen vào:

- Chúng tôi “nhặt” được cha con trong đồng tử thi bên lề quốc lộ khi chúng tôi đi ngược đường trở về nhà. Có nghĩa là chúng tôi đã di tản được khá xa, nhưng vì mẹ tôi bị trượt té gãy chân, nên sau khi ghé đỡ vào một trạm xá bên đường bó bột tạm, chúng tôi quyết định không di tản nữa. Cha tôi tìm được một cái xe ba bánh bị đứt làm đôi, không có chỗ ngồi đạp phía sau của ai đó bỏ bên lề đường, đặt mẹ tôi ngồi trên đó kéo lui trở về nhà. Thỉnh thoảng cha tôi phải dừng lại để kéo những thầy người nằm giữa lộ cho gọn vào trong lề, chứ không dám kéo xe cán qua tử thi một cách bừa bãi. Khi về gần đến nhà,

cha tôi kéo một tờ thi giữa lộ vào lều, bỗng nghe một tiếng rên nho nhỏ phát ra từ cửa miệng của thầy ma đó. Cha tôi giật mình nhìn lại thì thấy người đó nhăn mặt có vẻ đau đớn lắm! Cha tôi sờ vào cổ của người đó bắt mạch rồi la lên (cha tôi biết khá nhiều về thuốc Bắc): “Người này còn sống”. Rồi bảo mẹ tôi ngồi xích vào một chỗ và nói tôi phụ với cha khiêng người đó lên xe ba gác đem về nhà. Đêm hôm đó tôi phụ với cha tôi lau rửa vết thương và chăm sóc cho người đó tới gần sáng mới thiếp đi được khi thấy người bệnh đã không còn nguy hiểm nữa.

Trưa hôm sau thì người đó tỉnh lại kêu nhức đầu và chẳng nói được gì nhiều vì lúc tỉnh lúc mê. Cha tôi bốc thuốc rồi giao cho tôi đem sắc. Một tuần lễ sau người bệnh phục hồi nhanh chóng, vết thương ngoài da không đáng kể nữa, nhưng vết thương trong đầu lại gặp rắc rối. Người đó chẳng biết mình là ai, tên gì? Tại sao lại bị thương nặng như vậy. Cha tôi thương hại không nỡ để một người tâm trí bất thường ra đi như vậy nên giữ lại chờ tình hình yên ổn rồi tính sau. Người đó chính là cha con, ngoài việc không nhớ mình là ai, cha con hoàn toàn bình thường. Ăn nói đâu ra đó, rất lịch sự, ít bông đùa nhưng có lòng nhân và hay giúp đỡ người khác. Khi sức khoẻ đã tương đối được bình phục, cha con hay phụ với cha tôi đi chôn cất tử thi người chết, lúc rảnh thì chuyện trò với tôi. Vài tuần sau thì Sài Gòn thất thủ, dân chúng ai về nhà nấy, cha con vẫn không biết phải đi về đâu. Chúng tôi cũng lúng túng vô cùng không biết phải khai với chế độ mới như thế nào về thân phận của cha con, chẳng lẽ lại nói cha con là người mất trí nhớ? Ai mà tin! Lúc đó tôi đã có cảm tình nhiều với cha con, bởi sau nhiều lần trò chuyện tôi nhận xét được cha con là người có tâm cỡ văn hoá cao chứ không phải vô học thức. Nên ngộ ý với cha

tôi khai đại với nhà nước cha con là chồng của tôi, với cái tên cũng khai đại là Đỗ Thành Tâm như con đã biết. Ít lâu sau chúng tôi trở thành chồng vợ thật, tuy rất yêu cha con và không hề thắc mắc lai lịch quá khứ của chồng. Nhưng tôi cũng không tránh khỏi phạm phạm lo sợ, nếu một ngày nào đó cha con nhớ lại được phần đời trước mình đã có vợ con thì tôi phải làm sao? Cuối cùng tôi nghĩ duyên phận là do trời định, mình là kẻ đến sau thì không nên để khổ cho người đến trước nếu quả thật chồng tôi nhớ lại được mình đã có vợ trước khi mất trí nhớ và tìm về với gia đình. Vì nghĩ thế cho nên tôi an phận sống với cái hạnh phúc mình đang có trong tay. Chúng tôi sinh sống bằng nghề lò gốm của cha tôi.

Một thời gian sau, nhà nước đánh tư sản mại bán, đòi “quản lý” xưởng đồ gốm của cha tôi. Nhận thấy cuộc sống đã bắt đầu “khó thở”, cha tôi tìm đường móc nối cho cả gia đình đi vượt biên theo đường bán chính thức của Tàu, lúc đó tôi đã có được một trai, một gái. Và chúng tôi đã được định cư tại San Diego, chỉ mới di chuyển đến San Jose khoảng 5 năm nay mà thôi! Một thời gian sau khi đến Mỹ thì mẹ tôi mất, chúng tôi vẫn sống đùm bọc với người cha hiện tại. Tuy không phải là cha ruột của tôi, nhưng ông là người rất tốt, đã cuu mang mẹ con tôi từ khi tôi còn tám bé, coi tôi như con ruột. Cuộc đời của mẹ tôi cũng chẳng sướng sẽ gì. Cha ruột tôi bỏ rơi khi biết mẹ mang bầu và trốn vào Nam, nghe nói sau này ông làm lớn lắm trong quân đội tên Châu Trọng Đạo. Nhưng mẹ tôi cũng chẳng tìm kiếm mà làm gì khi đã yên bề gia thất với người chồng hiện tại. Rồi có một lần cha con trèo lên mái nhà chỗ cao nhất, (nhà tôi có lầu) để đóng đinh treo đèn Noel thì bị ngã lặn từ mái nhà xuống đất. Cha con tỉnh bơ đi vào nhà nghỉ ngơi chứ không chịu

đi bệnh viện vì thấy mình không có bị thương gì cả, nhưng đêm hôm đó cha con bị ói mửa và hôn mê. Tôi gọi 911 để đưa cha con vào bệnh viện, và mọi việc xảy ra như chúng ta đã chứng kiến từ hơn một tháng nay. Cha con đã bị một “cú sốc” quá nặng rơi từ trên cao xuống hồi 75 nên mất trí nhớ. Rồi bây giờ cũng nhờ tai nạn rơi từ mái nhà xuống mà cha con đã nhớ lại mọi chuyện.

Ông ngoại khi nghe dì Lê Thu kể xong, tách nước đang cầm trên tay bỗng rơi xuống đất vỡ tan tành, bà ngoại thì chụp lấy dì hỏi tới. Còn tôi nước mắt chan hoà ôm lấy cha xin lỗi vì những oán hờn vô cớ bấy lâu nay. Vị bác sĩ tâm lý trước khi ra về đã làm dấu thánh giá nói với cha tôi:

- Quả là một chuyện hy hữu không thể tin được nếu không tận mắt chứng kiến, có thể viết thành tiểu thuyết được đấy! Xin chúc mừng gia đình ông “sau cơn mưa trời lại sáng”.

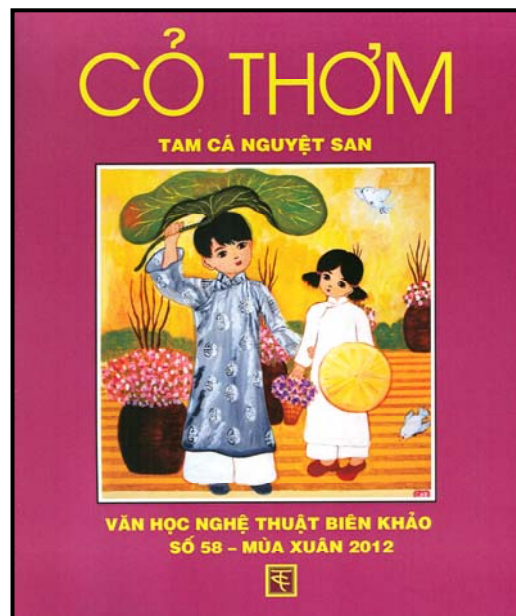
Chúng tôi vỗ tay hoan nghênh vị bác sĩ đã hiểu được những câu ca dao, tục ngữ của văn hoá Việt Nam. Quả là một sự đại trùng phùng của gia đình tôi, ông ngoại gặp lại con gái, tôi tìm được cha. Có điều là sau này, ông ngoại đã cạo đầu tu tại gia để ăn năn sám hối những tội lỗi mình đã làm khi xưa. Bà ngoại thì tu lâu rồi kể từ sau khi mẹ tôi mất, bà nói để sám hối tội lỗi cho ông ngoại. Dì Lê Thu không oán hận gì ông ngoại cả mà chỉ nói một câu hết sức là nhà Phật:

- Phận làm con không nên phán xét chuyện làm của cha mẹ khi mình chưa ra đời. Cái gì hỷ xả được thì nên hỷ xả, cuộc đời này là cõi tạm, chấp nhất nhiều quá khi xuôi tay nhắm mắt làm sao mà nhẹ nhàng ra đi cho được?

Sao dì có nhiều điểm giống mẹ tôi thế! Cả hai đều hiền lành, có tâm đạo. Và đặc biệt là cả hai đều yêu cha tôi tha thiết. Thời gian sau này tôi rất thân thiết với dì như hai mẹ con, khoảng cách tình cảm giữa chúng tôi càng ngày càng kéo lại gần nhau hơn. Và tôi đã

thật sự kêu lên được hai tiếng “mẹ ơi!” khi tôi sanh đứa con đầu lòng được dì ở cạnh bên chăm sóc vuốt ve, an ủi chia sẻ cho tôi quên đi con đau để chuẩn bị bước vào cuộc đời làm mẹ. Chỉ có cha là tội nghiệp! Biết nói làm sao đây? Thôi thì xin mượn câu kết của một truyện ngắn nào đó mà tôi đã đọc được trên báo để kết thúc câu chuyện về cha như sau: “Từ đó, chiều nào trong nghĩa trang Oak Hill ở San Jose cũng có một người đàn ông mặc nguyên bộ đồ đen, đội cái nón đen, đeo cặp mắt kiếng đen, quỳ phủ phục trước ngôi mộ một người đàn bà đã một đời sống chết cho tình yêu. Thủ thi thì thầm, kể lại chuyện một người đàn ông đã “ngủ” một giấc ngủ dài suốt hai mươi tám năm qua....”

Tâm Ngọc
(Tôn Nữ Mặc Giao)
California



TRỜI OI!

Nguyễn Lân

(Tiếp theo kỳ trước)

Một tuần lễ sau. Trà Mi đang lui cui rửa rau trong bếp. Có tiếng gõ cửa. Nàng đang mong ngóng tin tức người tình. Cánh cửa vừa hé, Trà Mi đón một điện tín vồn vện mấy chữ “Hoàng Cung đã đền nợ nước trong khi thi hành nghĩa vụ quân sự”. Trà Mi lặng người. Nàng không khóc, không cảm thấy gì. Nàng tê dại. Không biết bao lâu cho đến khi Vân Họa về. Vô hồn, Trà Mi trao bức điện tín cho chồng. Vân Họa đọc xong, lắc đầu lạnh nhạt: “Tội nghiệp!” Thế thôi.

Đã hơn ba tháng từ ngày Cung chết, Trà Mi không hé môi với ai. Nhưng cái bào thai đã lộ cho mọi người biết điều đó. Vân Họa nhìn thấy. Anh đã nghi ngay từ ngày vợ đưa tờ điện tín với vẻ thất thần. Anh không cần nói gì. Để xem người đàn bà ngoại tình xử sự ra sao.

Những ngày thai nghén thật là một cực hình. Trà Mi vẫn chu toàn lo cho chồng món mắm tép, món cá bống kho tiêu Vân Họa thích. Hầu như ngày nào anh cũng đòi ăn những món đó. Trà Mi vụng trộm dấu những ụ mưa nhưng không qua khỏi mắt chồng. Trong bữa cơm, Vân Họa còn ép vợ ăn cùng với mình những thức ăn làm Trà Mi nôn thốc nôn tháo mấy lần. Anh vẫn tỉnh queo, như không biết gì. Nhìn cái bụng vợ ngày một lớn, Vân Họa vẫn giả đò làm ngơ. Anh còn cho biết, giá xăng dầu lên, tiền xe bus của nàng quá nhiều. Anh muốn vợ đi bộ. Đã đến nước này, Trà Mi phải thú để giữ cái thai nhi vô tội.

Một chiều xâm xẩm tối, sau bữa cơm. Trà Mi tới trước mặt chồng, nàng quì xuống:

- Xin anh nương tay cho em để giữ cái thai này. Nó vô tội. Em sinh xong, anh hãy trừng phạt em.

- Gớm thật! Ngựa bà thật! Đến giờ này mới thú. Quả báo nhỡn tiền, cô thấy không? Thằng tình nhân của cô đã tan xác. Giờ đến con nó! Mắc mớ gì mà tôi phải lo? Vân Họa rít lên giữa hai lần môi mỏng cổ mím chặt.

- Em van anh.

Mặt lạnh tanh, Vân Họa gằn giọng:

- Muốn giữ cái mầm tội lỗi này thì xéo đi chỗ khác. Tôi sẽ đến cái trường đầy đạo lý cô đang dạy để báo tin cho Hiệu trưởng, cho đồng nghiệp, cho học trò biết cô giáo Trà Mi chính chuyên, thuần hậu, ngoại tình, chửa hoang. Có đúng không?

- Em lạy anh.

Nàng đập đầu xuống đất. Người nàng nóng như đang lên cơn sốt. Thân thể đau đớn rã dụa. Nhưng Trà Mi có lý do để tồn tại. Nàng phải tranh đấu giành quyền sống cho hạt máu rơi này.

Vân Họa đứng dậy. Trà Mi rướn mình ôm lấy chân chồng. Anh kinh tởm, lấy chân hất vợ sang một bên. Trà Mi thấy đau nhói nơi bụng. Mặt Vân Họa chai lại. Anh nhìn người đàn bà quằn quại dưới đất, lạnh lùng bỏ lên lầu.

Từ ngày ấy, Vân Họa không nói tới vợ một lần nào nữa.

Từ ngày ấy, Trà Mi không dám van xin chồng điều gì. Nàng gắng gượng đi dạy học, chu toàn mọi việc trong nhà trước giờ chồng tan sở. Nàng đã trở thành một người làm công không lương, không tình nghĩa ban cho từ ông chủ.

Chín tháng trời... Bụng một ngày một to... Trà Mi vẫn làm việc cật lực...

Vân Họa không thèm cầm tiền của vợ nữa. Nhờ đó Trà Mi dành dụm được cho ngày sinh nở.

Đa Lạt Anh Về

Từ thuở đào Xuân chớm má hồng.
Em là Đa Lạt tuổi hừng đông.
Anh đi tình vẫn còn ngây dại.
Em có còn thương anh nữa không?

Đa Lạt anh về thu mới sang.
Mi-mô sa rụng, nắng hoe vàng.
Cam Ly khói tỏa, sương lay mộng.
Em có còn mơ... đêm Ái Ân ?

Trường cũ mù giăng -chiều Chi Lăng.
Ai ngồi Than Thở nhớ Liang Biang.
Linh Sơn tượng Phật còn trông xuống.
Em có bao giờ khóc dưới chân?

Đa Lạt anh về sương nửa đêm.
Một mình đứng lặng trước nhà em.
Tường vi nắp dưới hoa qui dại.
Phòng trước chờ ai vẫn sáng đèn?

Cánh bướm Sân Cù nhớ Bích câu.
Giáng Kiều nào nhớ Tú Uyên đâu!
Xuân Hương thay nước, người thay mặt.
Em có đau lòng chuyện bê dâu?

Như vẫn hằng mơ giấc mộng đầu.
Nên hồn sông núi cứ nôn nao.
Em ơi! Đa Lạt anh về lại.
Tất cả như còn - chi mất nhau!

Lam Điền Nguyễn Thử
(North Carolina)

Bữa đưa bé ra đời, một người bạn dạy cùng trường thương tình đưa Trà Mi tới bảo sanh viện. Vượt cạn một mình, nàng thấm thía cái đau đớn cả tâm hồn lẫn thể xác. Nhưng nàng vẫn còn đưa con để bám vú. Nó là lẽ sống của đời nàng. Thằng bé chỉ hơn hai kí. Mặt nhăn nhúm như một ông già và cái đầu quá khổ so với những đứa trẻ bình thường, tay chân khẳng khiu. Nó giống như một củ khoai hà hư thối với bốn cây tăm cắm vào. Nó thật dị hợm. Trời ơi!

Hai mẹ con ngủ tại căn phòng cho Cung thuê khi trước. Thằng bé rất ngoan, không khóc đêm, ọ ọ một chút kiếm vú mẹ là yên ngay. Nàng rất sợ đứa nhỏ làm phiền Vân Họa. Nhưng may mà sự hiện diện của đứa bé sơ sinh trong nhà cũng như không. Trời còn thương mẹ con nàng!

Một trưa xế chiều, Vân Họa về sớm hơn thường lệ. Nghe bước chân anh vào nhà, Trà Mi bỏ con vào nôi, vội vã xuống bếp lo cơm nước. Bỗng nhiên nàng có một cảm giác kỳ lạ, da như bị xát muối, ruột như bị lửa đốt, đầu óc bùng bùng. Trà Mi vùng chạy lên lầu vào phòng con. Rõ ràng Vân Họa đang ở đó. Anh đứng cạnh cái nôi, một tay vén mùng, tay kia anh cầm một gối bông to tướng, anh đang dần xuống mặt đứa nhỏ về quả quyết đến độ tàn nhẫn.

Trà Mi lao người vào Vân Họa. Nàng dùng sức đẩy mạnh anh ra. Vân Họa bật ngã. Gối bông bị hất ra. Trà Mi nhanh tay xé chiếc gối. Bông tung tóe trắng xóa cả gian phòng. Tiếng đứa nhỏ khóc thét. Vân Họa đập vợ ra, phủi bụi áo quần, lạnh lùng đứng dậy, rời phòng.

Trà Mi ẵm con ra đi. Chui rúc vào đâu cũng được miễn là thằng bé được an toàn. Trà Mi không ngờ chồng thù nàng và nhẫn tâm đến thế. Còn ở lại căn nhà này chẳng chóng thì chầy Vân Họa cũng giết con nàng thôi. Quay nhìn lại căn nhà, Trà Mi bật khóc. Nơi này với bao kỷ niệm xót thương,

đón đau, tủi nhục. Cũng chính nơi này, nàng được biết thế nào là tình yêu, dù không hợp đạo lý. Số mệnh đẩy đưa! Trà Mi chỉ là một con người bình thường cần được thương yêu, che chở. Sao đời nàng cơ cực thế? Trời ơi!

Ngày qua, tháng qua, năm qua...

Cầu đã 5 tuổi. Nó xấu xí với cái đầu to tương với thân hình còm cõi, với giọng nói ngọng lú ngọng lo. Nhưng đối với Trà Mi nó đẹp lắm. Nó là lẽ sống của nàng. Đây là những ngày hạnh phúc nhất trong đời nàng, được sống cùng con, được chắt chiu cho người thương yêu nàng thành thật, được nuôi dạy nó.

Năm Cầu 10 tuổi, Trà Mi thấy con cứ ngắm nghía những cây đàn, cứ chạy theo những nhạc công trong những buổi hòa nhạc miễn phí ngoài công viên. Dù nghèo, nàng vẫn cố làm vừa lòng con. Nàng mua lại một cây vĩ cầm cũ để cho Cầu tập dượt. Vui biết mấy khi mỗi chiều đi dạy học về nghe tiếng kéo đàn cò cữ của Cầu. Mỗi ngày nó kéo khá hơn. Ông thầy dạy khen nó có tai thắm âm, có ngón tay năng khiếu điều khiển dây đàn. Tiếng đàn ngày càng điêu luyện, ngày càng quyến rũ, ngày càng rền rĩ réo rắt thì cũng là lúc mẹ nó lâm trọng bệnh.

Trà Mi bị ung thư phổi vào giai đoạn cuối cùng. Nàng cũng không ngờ bệnh tình trầm trọng đến thế. Hằng mấy chục năm nàng đã quá lơ là với bản thân, không bao giờ tới bác sỹ. Trà Mi chỉ biết nhà thương ngày bé Cầu ra đời. Nàng làm việc quá nhiều. Suốt cả cuộc đời quần quật theo sự sai khiến của người khác. Rồi sợ hãi, rồi ân hận, rồi hổ thẹn với đời, với mình, rồi lo lắng cho tương lai của con. Có lẽ căn bệnh nhuộm đã lâu trong thời gian nàng còn sống với chồng. Những buồn phiền, âu lo đã oằn lên đôi vai yếu đuối của nàng. Cả cuộc đời trong bất mãn âm thầm, trong căng rãnh chịu đựng đã đủ để những vi khuẩn

Hai Trời Khác

Bên này từng con lóc
Bên kia cũng bão bùng
Gió trời miên man thổi
Bước đời qua chập chùng.

Tôi ngồi bên phía núi
Em ở phía bờ sông
Núi cao cao lồng lộng
Dòng sông gió lạnh lùng.

Sao đời, hai trời khác
Mỗi trời mỗi chờ mong
Sao bước đời đi lạc
Mỗi người mỗi long đong.

Bên này từng con lóc
Bên kia lạnh gió đông
Em và tôi lận đận
Suốt đời như lưu vong.

Dương Nguyên
(Maryland)

bùng dậy đục khoét dễ dàng trên thân thể không còn sức đề kháng. Âu cũng là số mệnh. Trời bắt ai nấy chịu. Chỉ thương cho thằng Cầu hãy còn trẻ người non dạ, làm sao hấn sống còn? Trời ơi!

Những ngày tháng liệt giường đương dần tới. Những cơn đau xé phổi như có ai đâm vào ngực mũi dao nhọn xoay rộng bung ra khắp nửa thân hình còm cõi của người đàn bà. Trà Mi vẫn lê lét trong nhà

cùng những giây nhợ lòng thông nối với bình dưỡng khí. Nàng phải sống. Nàng vẫn cố viết lách. Một người quen thương tình vẫn đến tận nhà lấy bài đưa cho toà soạn Tia Sáng để mẹ con nàng còn có chút tiền chi dụng. Rồi cuối cùng Trà Mi liệt giường. Cơn đau quái lạ không để cho nàng nằm yên. Trà Mi phải ngủ trong tư thế ngồi dựa lưng vào gối. Người nàng héo hắt dần. Ăn không được. Ngủ phải nhờ đến thuốc. Đau thì đã có morphine. Những người bạn cùng trường hùn nhau góp tiền thuốc men cho Trà Mi. Nàng thấy cuối đời đã có người biết đến, thương mình tận tình. Một ân nhân đồng nghiệp mền tài thơ văn của nàng long trọng hứa sẽ lo cho thằng Cầu mai sau. Không ngờ tuổi trẻ đơn côi, lập gia đình khốn khổ mà những ngày cuối cùng của đời sao nhiều may mắn.

Cứ thế... cứ thế kéo dài hơn ba tháng trời...

Cầu bây giờ được việc lắm. Hắn thay mẹ những chuyện trong nhà. Hắn còn đi bỏ báo mỗi sáng, đi giao ống chích cho con buôn trong Chợ Lớn cuối tuần. Hạnh phúc với nó là những chiều tối bên gối người bệnh. Nâng giắc, chăm sóc miếng ăn cho mẹ, lấy thuốc ép mẹ uống, ôm cánh tay trơ xương của mẹ ve vuốt. Nén lòng cảm nước mắt tuôn rơi để mẹ thấy con cứng cỏi có thể đứng vững trên cõi đời khi bà không còn nữa. Cả hai mẹ con đều cảm nhận hạnh phúc bàng bạc quanh quất đâu đây. Hạnh phúc trong khổ đau. Đó là những ngày tuyệt vời của Trà Mi và của thằng Cầu. Những ngày đó qua đi sẽ không bao giờ tìm lại được nữa. Thật là những ngày quý giá!

Cầu quỳ bên cạnh mẹ. Hắn kim những giọt nước mắt cứ chực ứa trên mi. Nắm tay mẹ lần cuối. Khuôn mặt mẹ thư giãn chút đỉnh nhờ liều morphine cực mạnh vừa được chích. Người mẹ mỏng như tờ giấy, còn vài sợi tóc lơ thơ bạc trắng, da mặt, da cổ nhăn nhúm, thân hình dúm dỏ cằn cỗi

như một bà già chín mươi! Trời ơi! Mẹ chưa tới sáu mươi mà!

Cầu biết trong giờ phút này mẹ tỉnh táo lắm. Ánh mắt bà ngời sáng nhìn hẩn chăm chăm. Đôi môi thâm khô mấp máy muốn nhả con những điều Cầu không nghe ra nhưng hẩn cảm và hiểu nỗi lòng mẹ. Bà kiệt sức rồi. Những khuyên răn lần cuối truyền tới Cầu nhờ đôi mắt tinh anh. Ôi, đôi mắt thương yêu ấy cả đời hẩn chỉ thấy ở người đàn bà này. Sao mà nó tha thiết, trân trọng, âu yếm và che chở đến thế?! Chỉ có ánh mắt của người mẹ hi sinh cho con suốt cả cuộc đời mới như vậy. Không, không còn ai có cái nhìn như thế nữa. Mẹ ơi! Mẹ sống mãi trong con! Cầu không nói nhưng hình như người sắp vĩnh viễn rời hẩn đã hiểu. Ánh mắt đáp lại như có sự thành khẩn xin lỗi, bà chưa đủ làm trọn bổn phận cho con.

"Mẹ ơi! Con sẽ là người như mẹ hằng mong ước! Con sẽ là người nhân nghĩa, là người hữu dụng. Con sẽ thành công như mẹ mong mỏi. Mẹ là điểm tựa tinh thần của con. Mẹ ơi!"

Trà Mi hiểu hết. Bà nhắm mắt. Bà cảm thấy yên tâm lạ lùng. Cầu mới có mười lăm nhưng nó đã trưởng thành. Bà biết nó cứng cỏi khôn lanh hơn mình. Trời sẽ đền bù cho nó. Tạ ơn Trời!

Trà Mi cố mở mắt để nhìn con lần nữa, để mang hình ảnh đó cùng nàng tới miền vĩnh cửu. Đâu đây, trên cao, như có ai đang chờ đón? Hạnh phúc đường cùng là đây. Thôi, mẹ đi. Một ngày nào đó gia đình mình sẽ gặp nhau trên cao, cao tít, xa cõi trần gian đầy đau khổ này, con ạ!

Hơi thở người mẹ yếu dần rồi tắt lịm. Cầu vuốt mắt mẹ. Hẩn trân trọng hôn trên trán mẹ. Tới lúc này hẩn nấc lên, mặc cho hai hàng nước mắt tuôn trào....

Virginia ngày 7 tháng 1 năm 2013

NGUYỄN LÂN

Xuân tận miền xa

Nhạc : Thanh Trang

Thơ : Kim Tuấn

Ad lib.

(Như ngâm thơ)

Chiều qua biển giới xuân vừa đến Ngẩng mặt nhìn lên chòm núi xa

Tango

A tempo

Gió qua Hạ Lào mây giăng thấp Rừng lá chồi xanh bỗng nhớ nhà !

Nhớ nhà xa lắc phương trời đó Nhìn dưới đèo cao mây trắng bay

Đêm có mình ta nơi đất lạ

Cũng buồn như những thoáng men say Men say chất ngất chiều chưa hết

Tây Bắc rừng xanh màu lá xanh

Tây Bắc người đi chờ quay lại Sông buồn con nước vẫn loanh quanh !

Sông buồn con nước cuốn về khơi

Mộng đó về xuôi nặng mỗi sầu Gửi

mộng về xuôi đường dốc ngược Phương trời chính chiến, nhớ thương nhau !

Thương nhau đêm gối tay nền đất Nằm giữa rừng hoang nghe gió qua

Để kết

Bóng cây xào xạc rung cành lá Ta có mùa Xuân tuổi đã già !

Ta có mùa Xuân vừa thoáng qua !

Nhà Thơ Kim Tuấn & Ca khúc “Xuân Tận Miền Xa”

Thanh Trang

Thưa quý bạn gần xa thân mến. Năm rồi cũng vào cỡ này hay muộn hơn một chút, mà đảng nào thì cũng quanh quẩn trước và sau Tết ta không bao lâu, tôi có thực hiện một buổi phát thanh như thế này để riêng trò chuyện với độc giả, thính giả của Cỏ Thơm trên mạng. Buổi phát thanh ngày hôm nay thì cũng bất chước cái lệ cũ, mà xem ra thì có khi cũng là một cái lệ nên duy trì, thay cho những lời chúc Tết Tây cũng như Tết ta.

Ở trên mạng khi có người viết bài về nhạc sĩ Nguyễn Hiền thì người ta nhắc đến những bài như “Hoa bướm ngày xưa”, “Về đây anh” (lời của Thanh Nam), “Anh cho em mùa Xuân”, bài hát phổ thơ của Kim Tuấn, v.v.. và v.v.. Về nhạc sĩ Nguyễn Hiền thì ông là một gương mặt thuộc hàng danh tiếng trong Tân Nhạc và đã có nhiều bài báo ngoài đời cũng như tài liệu trên mạng viết về ông. Riêng khi có người viết bài về nhà thơ Kim Tuấn, với số lượng ít hơn, thì người ta vẫn quen nhắc, người này căn cứ vào tài liệu của người khác, đến những bài thơ như “Nụ hoa vàng cho em” - tức bài “Anh cho em mùa Xuân” sau khi thành ca khúc - hoặc như bài “Những bước chân âm thầm” do Y Vân phổ nhạc, mà tựa đề của bài thơ theo nguyên tác là “Kỷ niệm” chứ không phải “Những bước chân âm thầm”, vốn là câu mở đầu của bài thơ.

Cả ba ông Y Vân, Nguyễn Hiền, Kim Tuấn thì kể trước người sau, nay đã qua đời. Hai ông Y Vân và Nguyễn Hiền thì xưa kia tôi quen; thân nhất là đối với ông

Nguyễn Hiền vì một phần là có thời gian ông ấy cùng học Luật với tôi và nhà cũng gần nhau! Còn nhà thơ Kim Tuấn thì tôi lại chẳng từng quen biết, tuy khi xưa nghe những bài hát người ta phổ thơ ông ấy thì tôi lại rất thích cung cách làm thơ của ông. Thời gian tôi ở Sài Gòn và học Luật và căn cứ vào tài liệu về Kim Tuấn mà tôi có được thì ông ấy - hơn tôi hai tuổi - cũng ở Sài Gòn. Năm 1962, khi bài hát đầu tay của tôi là “Duyên thê” bắt đầu được phổ biến ở Sài Gòn thì cũng là năm mà ông Nguyễn Hiền nhận được tập thơ của hơn một tác giả do Kim Tuấn gửi tặng, trong đó có bài “Nụ hoa vàng cho em” mà theo như lời kể của nhạc sĩ Nguyễn Hiền mãi về sau này ở hải ngoại là ông chỉ bỏ ra một buổi để hoàn tất thành ca khúc với tựa đề “Anh cho em mùa Xuân”, giản dị chỉ vì 3 câu mở đầu của bài thơ : “Anh cho em mùa Xuân, nụ hoa vàng mới nở, chiều Đông nào nhưng nhớ” cũng là câu đưa đến ý nhạc mở đầu để cứ thế tác giả triển khai thành trọn ca khúc! Rồi sau đó là bài hát được phổ biến rộng khắp từ Sài Gòn đến khắp nơi trên phần đất của Việt Nam Cộng Hòa.

Kịp đến khoảng giữa năm 1969, khi tôi đang làm công việc giảng dạy bộ môn Kinh Tế ở Trường Võ Bị Quốc Gia trên Đà Lạt, và cũng đang gặp lúc tôi chuẩn bị đi du học tại Hoa Kỳ thì một buổi nọ tôi bắt gặp trên tạp chí “Văn” một bài thơ của Kim Tuấn tựa là “Nói với mùa Thu”. Câu mở đầu là: “*Bây giờ là mùa Thu rồi phải không em?*” “*Ai qua áo lụa tóc nhưng mềm*”

Đang quanh quẩn trong khung bàn giấy dành riêng cho mỗi giáo sư, với cửa kính nhìn ra phía Đồi Bắc xanh biếc những hàng thông, đang chờ đến giờ có lớp, tôi đọc đi đọc lại cả bài thơ rồi có cảm tưởng như đã có sẵn một nét giai điệu nào đấy ẩn nấp giữa những hàng chữ. Vậy thì hai câu đầu “Bây giờ là mùa Thu rồi phải không em? Ai qua áo lụa tóc nhung mềm” đã cho tôi ngay nét nhạc khởi đầu để sau đó trong ngày tôi hoàn tất luôn toàn bộ giai điệu cho bài “Nói với mùa Thu”, mà cũng vì một khi đã triển khai giai điệu rồi thì tôi bám theo hướng đi của giai điệu, tạm gọi như thế, thay vì cứ phải bám vào chữ nghĩa nơi bài thơ. Kết quả là tôi phải thay đổi không dưới 50 % của chữ nghĩa để cho khớp với giai điệu của phần nhạc! Và bây giờ thì mới phải tính đến chuyện làm sao liên lạc được với tác giả bài thơ để trình bày lý do tại sao mình phải thay đổi gần ấy chữ trong thơ của người ta! Và tôi trừ tính là khi trở về Sài Gòn để trước ngày lên máy bay rời khỏi nước thì đến tìm gặp ông Nguyễn Hiền để coi xem có cách nào liên lạc được với nhà thơ Kim Tuấn. Nhưng về đến nơi thì bao nhiêu chuyện khác lại khiến tôi không cách gì liên lạc được với ông Nguyễn Hiền; (Lúc bấy giờ Trần Thiện Thanh lại đang thường xuyên tiếp xúc với tôi để đề nghị xin được xuất bản bài hát “Tình khúc mùa Đông” - mà sau này ở hải ngoại không ít ca sĩ đã hát dưới tựa đề là “Tiết Thu”). Kết cuộc là bài “Tình khúc mùa Đông” được in ấn không quá ba ngày, Trần Thiện Thanh lái xe đến nhà, đem biếu tôi 100 bản đặc biệt dành cho tác giả thì tôi cũng chỉ có nước để lại nhà trước khi lên máy bay đi Hoa Kỳ! Và bài hát “Nói với mùa Thu” cũng nằm yên đấy

trong ngăn kéo bàn giấy của tôi ở căn nhà tại Sài Gòn.

Mãi đến sau này, sau cả trên 10 năm tái định cư tại Hoa Kỳ, sau khi bài hát “Nói với mùa Thu” đã được phổ biến thì tôi mới có dịp lên mạng để tìm hiểu về thân thế của nhà thơ Kim Tuấn. Ông mất năm 2003 ở Sài Gòn thì tôi hy vọng là ông cũng đã có dịp nghe bài hát “Nói với mùa Thu” qua giọng ca Quang Tuấn trong CD “10 ca khúc Thanh Trang-Tập 1” do người hát thực hiện vào khoảng giữa năm 2002! Chỉ có điều là tôi không bắt được tín hiệu nào về mặt đó từ Sài Gòn, mà về phần tôi thì mãi đến về sau này có dịp theo dõi các tài liệu trên mạng thì tôi mới biết là thời tôi làm việc trên Đà Lạt thì ông ấy ở trên Pleiku, còn thời sau năm 75 có thời gian tôi có mặt ở Sài Gòn, và Kim Tuấn cũng sinh sống ở Sài Gòn đấy, thế nhưng tôi không biết nhà hoặc nơi làm việc của ông ấy để tiện liên lạc. Và lại thời gian ấy cũng không còn là thời gian để nghĩ đến chuyện thơ hay nhạc đối với những người làm văn nghệ trong Nam trước năm 75.

Vậy thì qua các tài liệu rải rác đó đây trên mạng, tôi chỉ thu thập được ngần này thông tin, xin được tóm gọn lại là:

Kim Tuấn, sinh năm 1940, có tên thật là Vĩnh Khuê. Một cái tên thuộc hàng danh gia vọng tộc và đẹp đẽ như thế mà tại sao nhà thơ không lấy đó làm bút hiệu, thay vì bút hiệu “Kim Tuấn” thì tôi chưa bắt gặp tài liệu nào đề cập đến. Vẫn theo tài liệu trên mạng thì ông là con trai một cho nên khi nhập ngũ thì được đặc miễn, khỏi phải đi tác chiến; ông phụ trách việc giảng dạy Anh ngữ trong quân đội; các tài liệu cho biết như thế. Và điều đó cũng khiến tôi ngạc nhiên vì cứ nghĩ rằng một khi đã là con trai duy nhất trong một gia đình

thì được miễn nhập ngũ. Lại có tài liệu cho biết rằng tuy được miễn công việc tác chiến nhưng vẫn phải đảm nhiệm công việc trực gác cũng như tham gia hành quân. Trực gác thì đối với quân nhân là chuyện thường tình rồi, thế nhưng đã gọi là miễn tác chiến mà phải tham gia hành quân thì là thế nào, tôi lại không hiểu, vì hành quân có nghĩa là đụng trận với đối phương như chơi; mà đụng trận với đối phương thì tức là tác chiến rồi chứ còn gì nữa? Các tài liệu cho biết là sau năm 1975 thì Kim Tuấn về sinh sống tại Sài Gòn, tiếp tục công việc giảng dạy Anh ngữ, thế rồi đang khỏe mạnh bình thường thì ông đột ngột qua đời vì một cơn nhồi máu cơ tim vào năm 2003. Thuở sinh thời, và trước năm 1975, thơ của Kim Tuấn được đăng tải trên nhiều tạp chí văn học, và không phải chỉ có mỗi hai ông Y Vân và Nguyễn Hiền phổ nhạc thơ ông mà còn nhiều nhạc sĩ khác nữa, với những tác giả nổi tiếng như Phạm Đình Chương. Riêng bài “Những bước chân âm thầm” do Y Vân phổ nhạc thì, theo như tôi còn nhớ, đã đoạt giải nhất trong một đợt tuyển lựa ca khúc xuất sắc về một chủ đề gì đấy trong thập niên 60.

Quý vị có thể lên mạng để tìm hiểu thêm về thân thế của nhà thơ Kim Tuấn cũng những bài viết về ông bằng cách tra cứu theo “Google search” hoặc “Web search”, “Yahoo search”, v.v., Về một số lớn các bài thơ của Kim Tuấn được sao lục lại trên mạng thì cũng vậy.

Thơ của Kim Tuấn ra làm sao? Thời gian có hạn, tôi chỉ xin đọc một bài tôi cho là hết sức dễ thương và dung dị theo phong cách đặc trưng của Kim Tuấn; bài “Gửi mẹ mùa Xuân” mà tôi không biết vào dịp Tết sắp tới đây sẽ có chương trình thi ca nào đem ra cho có người diễn ngâm hay ngoài những bài thơ của các nhà thơ có tên tuổi

trong văn học sử nước nhà thì quanh đi quẩn lại vẫn chỉ là những bài thơ hợp với sở thích cũng như quan điểm riêng của người hay nhóm thực hiện chương trình! Tôi xin đọc bài thơ “Gửi mẹ mùa Xuân” của Kim Tuấn, viết thời trước năm 75 từ đơn vị của ông ở miền Cao Nguyên.

Gửi Mẹ Mùa Xuân - Kim Tuấn

- Tết này chắc con thôi leo núi
đêm ngủ rừng thôi ngó trời xanh
sớm mai qua núi tay kiếm súng
đã xa xôi như thế cũng đành

- Tết này ngưng chiến lo đồn trại
đêm gác chòi cao nhìn núi cao
lừng lơ dăm bóng đèn soi sáng
mưa dưới đồi xa khuất chiến hào

- Chiến hào đêm lạnh run cơn gió
lá động cành trơ và khói sương
co ro trong áo tay ghì súng
lửa ngút trời xa bãi chiến trường

- Tết này thêm chút tiền lương lính
có dăm trăm bạc gửi quê nhà
mẹ mua thêm gạo ăn qua Tết
con ở rừng cam khổ cũng qua

- Con ở rừng ăn Tết cá khô
có cơm gạo sấy kiếp sông hồ
khi vui chung bạn dăm chai đế
khi chết nằm yên dưới nấm mồ

- Tết này Tết nữa chưa yên giấc
chắc mai chắc một có hòa bình
con nghe nói thế con tin thế
phương này như cũ vẫn phiêu linh

Cũng trong số những bài thơ của Kim Tuấn được góp nhặt lại trên mạng thì vừa mới rồi đây, nhân nghĩ đến chuyện Tết Tây gần kề và Tết ta sắp đến, tôi bắt gặp bài “Xuân tận miền xa”. Chỉ trong nửa ngày tôi đã soạn thành ca khúc với tựa đề “Xuân tận miền xa”, tức tựa đề bài thơ ra sao thì tôi vẫn để nguyên như thế! Nhưng lần này, lần

thứ hai tôi đưa nhạc vào thơ Kim Tuấn thì tôi lại đỡ phải lẩn tránh với việc giải trình với tác giả bài thơ lý do tại sao tôi phải thay đổi chữ này hay chữ kia cho khớp với giai điệu, nhất là một khi tác giả bài thơ đã không còn nữa. Bởi trong số 140 chữ của bài thơ thì tôi chỉ thay có giảm ba chữ mà vẫn cố giữ nguyên ý, cũng như thêm 3 chữ cho câu kết thúc bài hát.

Xin mời quý vị cùng nghe bài hát “Xuân tận miền xa”, thơ Kim Tuấn, Thanh Trang phổ nhạc qua tiếng hát Tâm Hảo:

(<http://cothommagazine.com/nhac1/ThanhTrang/XuanTanMienXa-TT-KT-TH.mp3>)

Quý vị cùng các bạn thân mến. Bài hát “Xuân tận miền xa”, thơ Kim Tuấn, Thanh Trang phổ nhạc qua tiếng hát vừa rồi của Tâm Hảo cũng đã kế thúc chương trình phát thanh đặc biệt dành cho độc giả, thính giả của website Cỏ Thom ngày hôm nay. Nhân dịp Tết dương lịch gần kề và Tết năm Quý Ty cũng không xa, xin chúc quý vị cùng thân hữu bốn phương những năm mới thật an lành!

Thanh Trang - tháng 12, 2012



PROTECTION – CHE CHỞ **Từ Châu Lan**

Giải thưởng FIAP SILVER của Hội VNPS, Virginia 2011.